



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM LA**  
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La  
*Web: [vcpholdings.com.vn/namla/](http://vcpholdings.com.vn/namla/)*



# **TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**Sơn La, tháng 5 năm 2023**

**DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP ĐHCĐ**  
**THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**(Tháng 5/2023)**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	<a href="#">NL01</a>
2	Mẫu giấy xác nhận và ủy quyền dự ĐHCĐ năm 2023	<a href="#">NL1.1</a>
3	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	<a href="#">NL1.2</a>
4	Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	<a href="#">NL1.3</a>
5	Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2022 và KH SXKD năm 2023	<a href="#">NL02</a>
6	Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2022 và nhiệm vụ KH SXKD năm 2023	<a href="#">TL03</a>
7	Báo cáo của BKS về thực hiện năm 2022 và nhiệm vụ KH năm 2023	<a href="#">NL04</a>
8	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022	<a href="#">NL05</a>
9	BCTC NL hợp nhất năm 2022	<a href="#">NL5.1</a>
10	BCTC NL riêng năm 2022	<a href="#">NL5.2</a>
11	Tờ trình thù lao HĐQT và BKS	<a href="#">NL06</a>
12	Tờ trình phương án lợi nhuận năm 2022	<a href="#">NL07</a>
13	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023	<a href="#">NL08</a>
14	Tờ trình Tách nhà máy TĐTN	<a href="#">NL09</a>
15	Tờ trình Điều lệ sửa đổi năm 2023	<a href="#">NL10</a>
16	Điều lệ sửa đổi năm 2023( Dự thảo)	<a href="#">NL10.1</a>
17	Tờ trình miễn nhiệm, giới thiệu TV HĐQT, tài liệu đề cử TV HĐQT	<a href="#">NL11</a>
18	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT	<a href="#">NL11.1</a>
19	Tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT	<a href="#">NL12</a>
20	Quy chế hoạt động của HĐQT ( Dự thảo)	<a href="#">NL12.1</a>
21	Tờ trình Quy chế hoạt động của BKS	<a href="#">NL13</a>
22	Quy chế hoạt động của BKS ( Dự thảo)	<a href="#">NL13.1</a>
23	Tờ trình Quy chế quản trị nội bộ	<a href="#">NL14</a>
24	Quy chế quản trị nội bộ ( Dự thảo)	<a href="#">NL14.1</a>
25	Tờ trình huy động vốn	<a href="#">NL17</a>



## GIẤY MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

**Kính gửi: Quý cổ đông:** .....

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La trân trọng thông báo và kính mời Quý vị cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- ❖ **Thời gian họp: Bắt đầu từ 13 giờ 30 phút ngày 30 tháng 5 năm 2023**
- ❖ **Địa điểm:** Phòng họp, Văn phòng làm việc Công ty tại Nhà máy Thủy điện Nậm La, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
- ❖ **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông của Công ty chốt đến ngày 05/5/2023 có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Quý vị cổ đông nào không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (*theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Giấy mời*).
- ❖ **Nội dung Đại hội:** Theo Chương trình Đại hội đính kèm Giấy mời.
- ❖ **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**
  - Để Đại hội được tổ chức chu đáo, đề nghị Quý vị cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty chậm nhất là trước 17h00 ngày 29/5/2023, bằng cách gửi trực tiếp, chuyển phát nhanh hoặc fax theo số 0237.3555069.
  - Quý vị cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Giấy mời họp, CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu (sao y công chứng trong vòng 06 tháng) và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền dự họp).
  - Quý vị cổ đông cần thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Phòng Tài chính - Kế toán (Mr Hạnh KTT, ĐT 098 291 6699), địa chỉ: Tầng 19, toà nhà VINACONEX, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Ngọc Tú**

**GIẤY XÁC NHẬN/ ỦY QUYỀN**  
**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội - Công ty CP Thủy điện Nậm La

- Tên cổ đông: .....
- Địa chỉ: .....
- CMND/Giấy CNĐKDN số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp:.....
- Số cổ phần sở hữu tại ngày 05/5/2023 là: ..... cổ phần.  
(Bằng chữ: .....

**Tôi xác nhận rằng:**

- Đồng ý tham dự Đại hội**
- Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:**
  - Họ và tên người được ủy quyền: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Giấy CMND/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày.....tại.....
- Hoặc ủy quyền cho 1 trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty:**
  - Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch
  - Ông Phạm Văn Minh - Phó CT
  - Ông Nguyễn Tiến Khanh - Phó CT
  - Ông Thiều Quang Quyền - Ủy viên
- Nội dung ủy quyền:**
  - Được thay mặt Người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La, tổ chức vào ngày / /2023 tại Sơn La có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần Người ủy quyền sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.
  - Người được ủy quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và phải thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Người ủy quyền biết.
- Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:**
  - Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.
  - Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

....., ngày.....tháng..... năm 2023

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỔ ĐÔNG**  
(Ký, đóng dấu nếu là tổ chức)



**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**
**Thời gian:** 13h30 phút, Thứ Ba, ngày 30/5/2023

**Địa điểm:** Văn phòng - Công ty CP thủy điện Nậm La tại NM Nậm La (xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La).

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	GHI CHÚ
13h30-14h00	- Tiếp đón và đăng ký đại biểu tham dự Đại hội	
	- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội	
	- Phát tài liệu, Phiếu biểu quyết	
14h00-14h30	- Tuyên bố lý do Khai mạc Đại hội, Giới thiệu đại biểu, Giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông	
	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	
	- Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	
	- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội	
	- Thông qua Chương trình Đại hội	
	- Báo cáo kết quả HĐ SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của HĐQT	
	- Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của HĐQT	
	- Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS	
	- Báo cáo tài chính đã kiểm toán của công ty năm 2022	
	- Tờ trình QT thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và KH thù lao năm 2023	
	- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	
	- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023	
	- Tờ trình Tách NM Tắt Ngoẳng thành Công ty con	
	- Tờ trình thông qua Điều lệ và các Quy chế của Công ty	
	- Tờ trình thông qua Miễn nhiệm TV HĐQT và Bầu bổ sung TV HĐQT	
	- Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT quyết định về giao dịch huy động vốn	
	- Thảo luận về các Báo cáo và Tờ trình - Biểu quyết các bc và tờ trình	
16h30-17h00	- Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	

**Lưu ý:** Chương trình Đại hội trên có thể thay đổi theo tình hình thực tế trong quá trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM LA**

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA**

**Căn cứ:**

- ❖ Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành;
- ❖ Căn cứ Điều lệ Công ty CP Thủy điện Nậm La.

**Mục tiêu của Quy chế:**

- ❖ Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- ❖ Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

**I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI**

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải dời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

**II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho ít nhất 51% Tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 phải được triệu tập trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho ít nhất 33% Tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba sẽ được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.



### III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

#### 1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi Mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (*sở hữu và ủy quyền*) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

#### 2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến hoặc có ý kiến khác) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại Hội đồng đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Tổ kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết.
- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý, có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

#### 3. Thể lệ biểu quyết:

- ❖ Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.
- ❖ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

### IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

#### 1. Nguyên tắc:

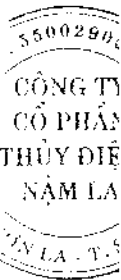
Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giơ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông giơ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

#### 2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

### V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:





- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
  - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
  - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

#### **VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

#### **VII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT**

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của ĐHCĐ.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

#### **VIII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

**T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH**



**Vũ Ngọc Tú**

Số: 01/2023/NLA-HĐQT

Sơn La, ngày 28 tháng 4 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023**

#### **A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2022, cụ thể như sau:

##### **I. CÔNG TÁC VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN**

Thay đổi quy trình, phương thức vận hành phát điện hiệu quả được coi là mốc thay đổi lớn trong năm 2022 đối với Nhà máy Nậm La và Tắt Ngoẳng. *Quy trình phát điện được điều chỉnh, cải tiến phù hợp với lưu lượng nước về và nhu cầu cấp nước hạ du của hai Nhà máy.*

- ❖ *Thủy điện Nậm La: vào mùa khô luôn tích nước cao nhất có thể trước khi chạy cao điểm (MNTL ~6.6-6.7m: mực nước tối đa hồ có thể tích nước) và không để thấp dưới 4.0m. Vào mùa mưa chạy máy tối đa công suất để tránh tràn và hạn chế ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của địa phương như phương án đã áp dụng từ trước. Từ đó hiệu suất chạy máy luôn ổn định, suất tiêu hao/kWh là tốt nhất. Năm 2023, Nhà máy sẽ xây dựng quy trình chi tiết trên cơ sở Quy trình vận hành Hồ Bản Mòng và thủy văn lưu vực Nhà máy (PA đã vận dụng từ khi Hồ Bản Mòng tích nước). Quy trình sẽ có vai trò quan trọng trong việc thống nhất nguyên tắc và trình tự vận hành chạy máy hiệu quả vào các khung giờ.*
- ❖ *Thủy điện Tắt Ngoẳng: Quy trình vận hành phát điện điều chỉnh được ban hành từ tháng 7/2022 trên cơ sở kết quả nghiên cứu chạy thử trong tháng 5 và 6/2022. Quy trình này quy định nguyên tắc vận hành chạy các tổ máy phát điện ở giờ cao điểm và các khung giờ khác của Nhà máy thủy, đảm bảo phù hợp và hiệu quả.*

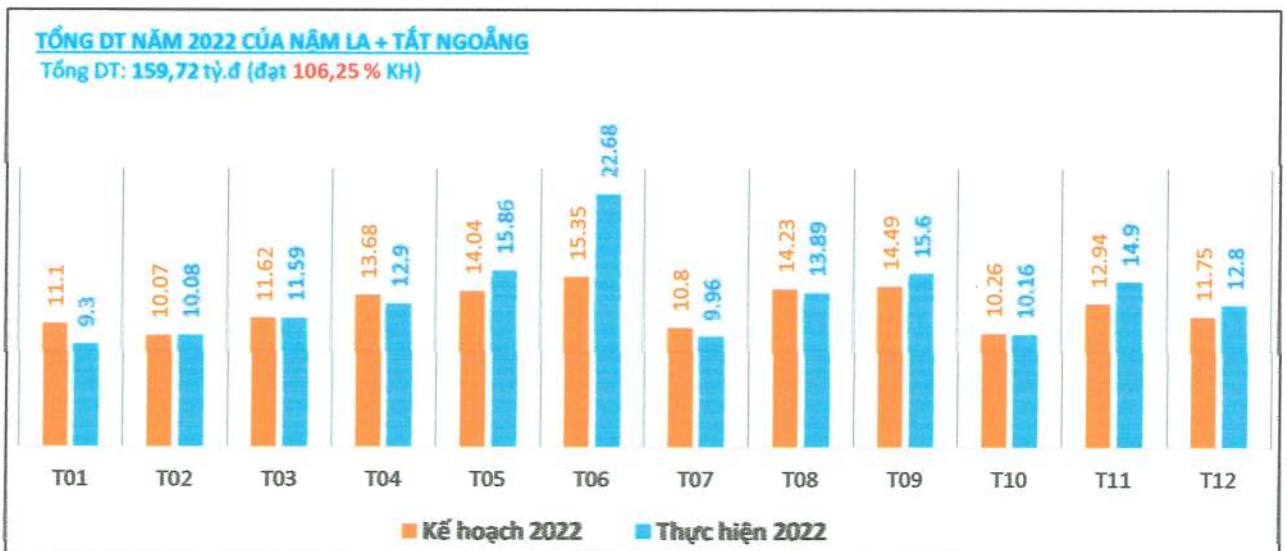
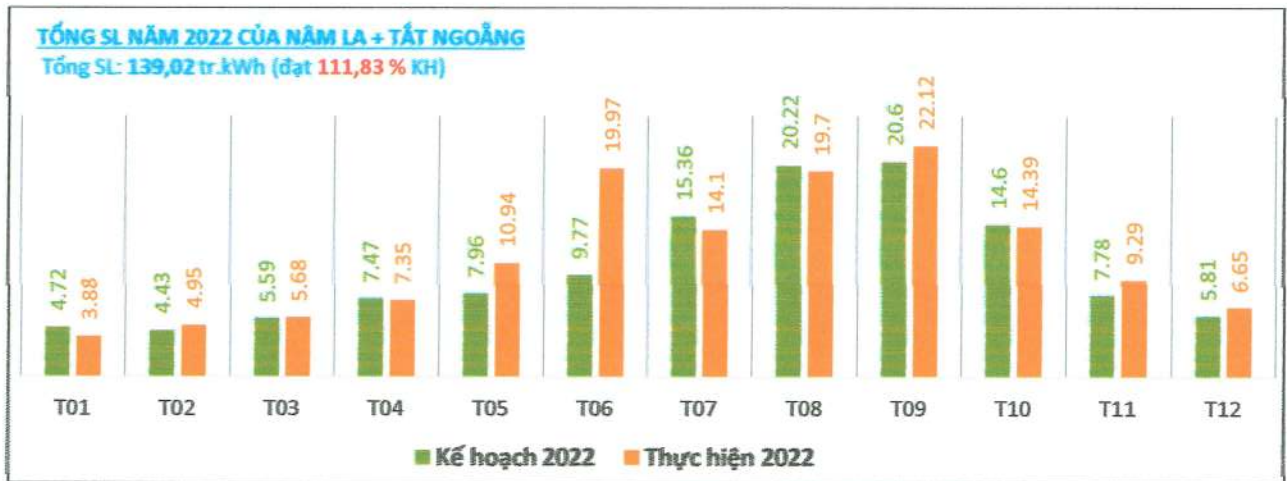
Năm 2022 là năm có thủy văn tương đối thuận lợi, tốt hơn nhiều so với giai đoạn 2019-2021. Hồ Bản Mòng đã đi vào hoạt động ổn định, tích nước theo quy trình đã ban hành, kết hợp với sự điều tiết nhịp nhàng theo mực nước hàng tháng giữa Ban quản lý hồ với Công ty, nên kết quả thực hiện đã vượt kế hoạch đề ra.

Về thủy văn khu vực Mộc Châu năm 2022 cũng rất tốt, được phân bố đều trong các tháng, do vậy Thủy điện Tắt Ngoẳng năm 2022 có kết quả sản xuất vượt trội từ khi Nhà máy đi vào vận hành.



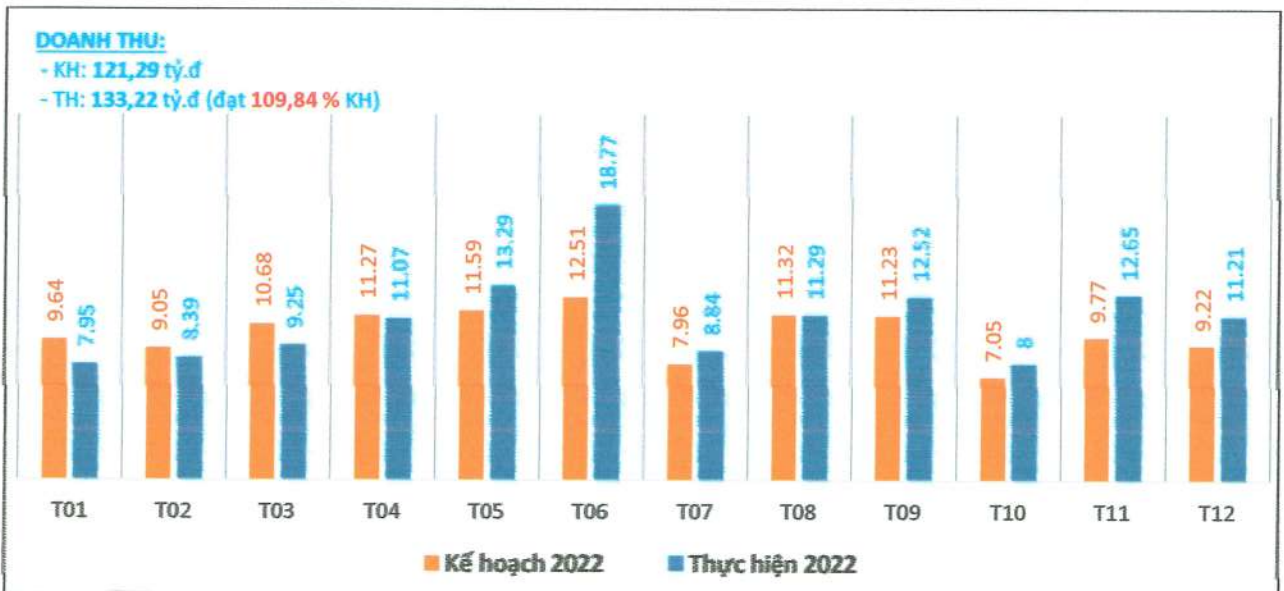


### 1. Tổng hợp kết quả phát điện của Thủy điện Nậm La và Tát Ngỗng năm 2022:

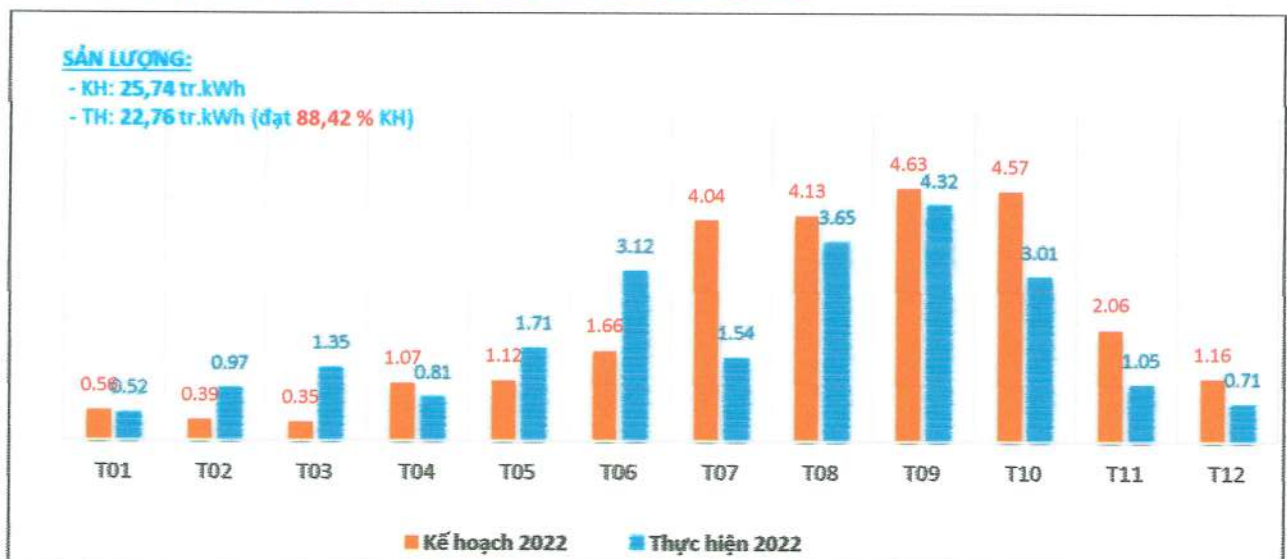


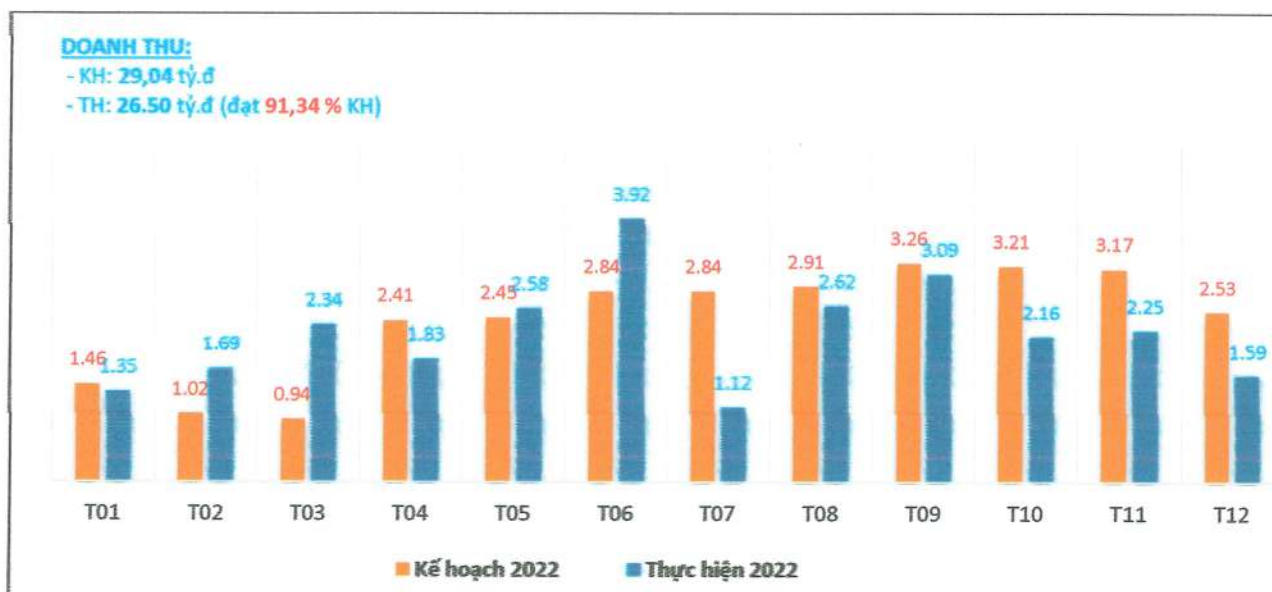
### 2. Kết quả phát điện của Thủy điện Nậm La năm 2022:





### 3. Kết quả phát điện của Thủy điện Tát Ngang năm 2022:





#### 4. Một số dấu ấn hiệu quả phát điện năm 2022:

<b>Thủy điện Nậm La:</b>	<b>Thủy điện Tát Ngaoảng:</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Năm 2022 là năm có sản lượng cao thứ 2 kể từ khi Nhà máy đi vào hoạt động đến nay (<b>116,27 tr.kWh</b>), chỉ thấp hơn sản lượng năm 2018 (<b>131,65 tr.kWh</b>) và cao hơn bình quân giai đoạn 2012-2021: <b>19,3 tr.kWh</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Năm 2022 là năm đạt kỷ lục về sản lượng và doanh thu năm cao nhất từ khi nhà máy đi vào vận hành (2015-2021): <b>SL đạt 22,76 tr.kWh và DT đạt 26,50 tỷ.đ</b> và cao hơn bình quân năm giai đoạn (2016-2021: 16,99 tr.kWh) là <b>5,77 tr.kWh</b>.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Qđ bình quân: 3,97 m<sup>3</sup>/s cao hơn bình quân giai đoạn (2012-2021): 0,67 m<sup>3</sup>/s.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Qđ bình quân: 5,50 m<sup>3</sup>/s cao hơn bình quân giai đoạn (2016-2021): 1,39 m<sup>3</sup>/s.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Công suất phát giờ cao điểm (B2) bình quân đạt: <b>~25/27MW</b>. Bình quân giai đoạn (2012-2021) chỉ đạt <b>23,5/27MW</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công suất phát giờ cao điểm (B2) bình quân đạt: <b>~4,83/7,00MW</b>. Bình quân năm (2020-2021) chỉ đạt <b>4,16/7,00MW</b>.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Sản lượng bình quân ngày B2 mùa khô đạt: <b>124.746 kWh/ngày</b>, cao hơn bình quân giai đoạn (2012-2021) là <b>1.500 kWh/ngày</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sản lượng bình quân ngày B2 mùa khô đạt: <b>24.123 kWh/ngày</b>, cao hơn bình quân (2020-2021) là <b>3.337 kWh/ngày</b>.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Luôn chủ động phối hợp với Hồ Bản Mòng để điều tiết nước phù hợp, hiệu quả;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luôn chủ động tích nước phù hợp, hiệu quả vào khung giờ cao điểm;</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Không để xảy ra mất an toàn lao động, cháy nổ trong sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không để xảy ra mất an toàn lao động, cháy nổ trong sản xuất.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Năm 2022, Hai Nhà máy cũng đã bắt đầu thực hiện cải tiến, <b>thay đổi "phương thức báo cáo" phù hợp với Hệ thống VCP Holdings</b>, cung cấp đầy đủ thông tin vận hành, tình trạng MMTB theo ngày, tuần, tháng, năm.</li> </ul>	

## II. CÔNG TÁC DUY TU, BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ



Năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban điều hành xác định là năm chú trọng và ưu tiên đến công tác duy tu, bảo dưỡng tổng thể, khắc phục những tồn tại về hiệu suất từ những năm trước của hai Nhà máy, nhằm đảm bảo MMTB vận hành liên tục, an toàn và hiệu quả.

Với mục tiêu đó, Đơn vị chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng là Công ty Cổ phần Cơ điện VCP (M&E, thuộc VCP Holdings) đã luôn sát sao và đồng hành cùng hai Nhà máy, đã tìm hiểu, khảo sát kỹ lưỡng về tình trạng thực tế của MMTB. Từ tháng 25/12/2022 đến 14/01/2023, M&E đã hoàn thành sửa chữa, bảo dưỡng tổng thể Nhà máy Tắt Ngoẵng; Và dự kiến trong tháng 02/2023 sẽ thực hiện việc sửa chữa, bảo dưỡng tổng thể Nhà máy Nậm La.

### Các công việc chính đã thực hiện trong năm 2022:

#### 1. Thủy điện Nậm La:

- Hoàn thành sửa chữa 02 tuabin (01 bảo hành tại Ấn Độ và 01 sửa chữa trong nước) từ tháng 9/2022 và thay thế trục kim phun, mặt bích + kim phun các tổ máy, thay dầu tuabin,... Từ đó nâng cao hiệu quả phát điện cho Nhà máy. Trước tháng 9/2022, tổng công suất 3TM chỉ đạt 26-26,5MW, sau khi thay thế tuabin, tổng công suất luôn đạt trên 27MW khi chạy tối đa công suất;
- Hoàn thành thí nghiệm định kỳ ngắn lộ 178- trạm 220kV theo yêu cầu kỹ thuật của EVN;
- Sửa chữa 02 cánh phai của nhận nước bị hỏng gioăng, rò rỉ nước khi đóng;
- Hoàn thành kiểm định TU, TI, hệ thống mạch công tơ định kỳ theo yêu cầu của EVN;
- Chuẩn bị đầy đủ VTTB cho công tác bảo dưỡng, tiêu tu 3TM vào tháng 02/2023;
- Chuẩn bị khôi phục Phương án điều khiển, giám sát tự động để năm 2023 tiến hành triển khai. Các đơn vị Tư vấn đã đến khảo sát. Trong Quý I/2023 các đơn vị sẽ gửi bản chào phương thức thực hiện.

#### 2. Thủy điện Tắt Ngoẵng:

- Điều chỉnh Quy trình vận hành phát điện (ban hành tháng 7/2022);
- Thay mới 02 bộ làm mát dầu gối trục; Xử lý rò nước cổ trục cánh hướng H1, H2; Xử lý rò nước van đĩa H2; Xử lý ra nước cổ trục tuabine; Xử lý ra nước trục cánh hướng;
- Kiểm định ATĐ thủy điện Tắt Ngoẵng;
- Hoàn thành bảo dưỡng, tiêu tu 2TM từ 25/12/2022 đến 14/01/2023. Hiện tại MMTB đã vận hành ổn định, công suất đạt ngưỡng thiết kế 7MW khi đủ nước.

### III. CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ CÔNG TÁC KHÁC

- Từ năm 2022 Ban điều hành và các Phòng chuyên môn chính thức làm việc tại Văn phòng mới tại khu nhà ở CBCNV, sát với Nhà máy, đã giải quyết các khó khăn vướng mắc tại Nhà máy một cách sát sao, nhanh chóng và hiệu quả;
- Trong năm Công ty đã kiện toàn công tác nhân sự, bổ nhiệm và giao nhiệm vụ cho Ông Trần Trung Thiện PTGD - Giám đốc Nhà máy Thủy điện Nậm La, kiêm nhiệm Giám đốc Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng (thay Ông Nguyễn Phương Đông - Giám đốc Nhà máy chuyển công tác), đồng thời bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Vượng - Trưởng ca làm Phó quản đốc phụ trách công tác sản xuất NM Tắt Ngoẵng;
- Lập phương án cải tạo, sửa chữa nâng cao hiệu quả vận hành; đánh giá, đưa ra giải pháp an toàn cho vận hành lâu dài Thủy điện Tắt Ngoẵng. Dự kiến đến tháng 02/2023 sẽ triển khai thực hiện;
- Hoàn thiện Phương án thiết kế kiến trúc tổng thể các hạng mục Nhà máy Nậm La: Cải tạo, nâng cấp khu vực CNN, đường QL VH và khu vực NM (dự kiến triển khai thực hiện vào tháng 4/2023). Như vậy trong thời gian tới nhà máy sẽ được nâng cấp cơ sở hạ tầng để thúc đẩy SXKD hiệu quả;
- Nhà ở CBCNV của 02 Nhà máy đã được đầu tư sửa chữa khang trang, sạch đẹp hơn;
- Đầu tư 01 ô tô tự đổ IZUSU phục vụ chở bùn rác lòng hồ và Cửa nhận nước;
- Đến cuối năm 2022, Công ty đã bán được Chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế (I-REC) của hai Nhà máy, mang lại nguồn thu nhập khác cho Công ty mỗi năm hơn 400 tr.đ;



- Phối hợp với Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Miền Bắc(A1) đào tạo, tổ chức thi cấp chứng chỉ Trưởng ca cho 2NM và hiện tại 2NM đã đủ số lượng Trưởng ca đạt yêu cầu của EVN;
- Gia hạn giấy phép sử dụng nước mặt cho 02NM; Lắp đặt hệ thống giám sát Khí tượng thủy văn theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên - Môi trường;
- Hoàn thiện thủ tục giao đất, thuê đất Thủy điện Tắt Ngoẳng;
- Ứng dụng những công cụ quản lý tiên tiến, như: Duy trì tính hiệu quả 5S; Xây dựng ý thức cải tiến (kaizen) tại nơi làm việc; Xây dựng Kế hoạch triển khai BSC 2023 theo VCP Holdings.

#### IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022:

##### 1. Kết quả kinh doanh:

ĐVT: tỷ đồng

Chi tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)	SS với 2021 (%)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>92,30</b>	<b>152,89</b>	<b>162,11</b>	<b>106,03</b>	<b>175,63</b>
<b>Trong đó: DT bán điện</b>	<b>91,53</b>	<b>150,31</b>	<b>159,72</b>	<b>106,26</b>	<b>174,50</b>
- Nậm La	71,18	121,30	133,22	109,82	187,16
- Tắt Ngoẳng	20,35	29,01	26,50	91,34	130,22
<b>Chi phí</b>	<b>98,72</b>	<b>105,17</b>	<b>102,81</b>	<b>97,75</b>	<b>104,14</b>
- Chi phí trực tiếp	67,50	72,08	69,35	96,21	102,74
- Chi phí tài chính	26,40	30,95	30,62	98,91	115,98
- Chi phí quản lý	4,82	2,14	2,84	132,80	58,92
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(6,03)</b>	<b>47,72</b>	<b>59,23</b>	<b>124,13</b>	<b>982,25</b>
Tr.đó: Lợi nhuận khác	0,39		0,39		
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(6,03)</b>	<b>45,33</b>	<b>56,57</b>	<b>124,80</b>	<b>938,14</b>

##### Doanh thu:

Doanh thu bán điện đạt 159,72 tỷ đồng, tương đương 106,26% so với KH năm 2022 và bằng 174,50% so với năm 2021, (trong đó NM Nậm La đạt 133,22 tỷ đồng, tương đương 109,82% KH năm và 187,16% so với năm 2021. NM Tắt Ngoẳng đạt 26,50 tỷ đồng, tương đương 91,34% KH năm và 130,22% so với năm 2021).

##### Chi phí:

Tổng chi phí 102,81 tỷ đồng, tương ứng 97,75% KH chi phí năm 2022 và bằng 104,14% so với năm 2021. Năm 2022 khoản mục chi phí tài chính tăng 4,22 tỷ.đ so với năm 2021 do khoản lãi vay trái phiếu tăng 7 tỷ đồng (Chi phí lãi vay Ngân hàng VCB và VDB giảm 2,78 tỷ đồng. Tuy nhiên, tổng lãi vay tăng 4,22 tỷ đồng, do khoản lãi vay trái phiếu VCBS tăng 7 tỷ đồng).

##### Lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế đạt 56,57 tỷ đồng, bằng 124,80 KH năm và tương ứng 938,14% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế tăng cao so với năm 2021 là do doanh thu năm 2022 tăng cùng với việc tiết giảm chi phí sản xuất.

##### 2. Quy mô vốn tại ngày 31/12/2022:

Chi tiêu	ĐVT	01/01/2022	31/12/2022	Tỷ trọng
----------	-----	------------	------------	----------

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2022	31/12/2022	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	50.005	59.507	8, %
Tài sản dài hạn	tr.đ	744.112	693.601	92%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>tr.đ</b>	<b>794.117</b>	<b>753.109</b>	<b>100%</b>
Nợ ngắn hạn	tr.đ	141.906	133.734	35%
Nợ dài hạn	tr.đ	335.471	246.316	65%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>tr.đ</b>	<b>477.377</b>	<b>380.050</b>	<b>100%</b>

#### Tình hình tài chính:

Tại 31/12/2022, tài sản ngắn hạn vẫn thấp hơn nợ ngắn hạn, tuy nhiên tài sản ngắn hạn tăng 14 tỷ đồng, nợ ngắn hạn giảm 7 tỷ đồng so với đầu năm, cho thấy chỉ số khả năng thanh toán của Công ty đã tăng khá nhiều.

#### 3. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2022:

Đơn vị: tỷ đồng.

Stt	Nội dung	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn đến hạn trả	Cộng
1	Tổ chức	138,10			138,10
2	Ngân hàng	108,67		37,50	146,17
	<b>Cộng</b>	<b>246,77</b>		<b>37,50</b>	<b>284,27</b>

Trong năm 2022, ngoài trả nợ gốc theo lịch, trả trước hạn, Công ty đã phối hợp với Công ty mẹ VCP trong việc sử dụng dòng tiền, để sử dụng vốn hiệu quả và tối ưu nhất.

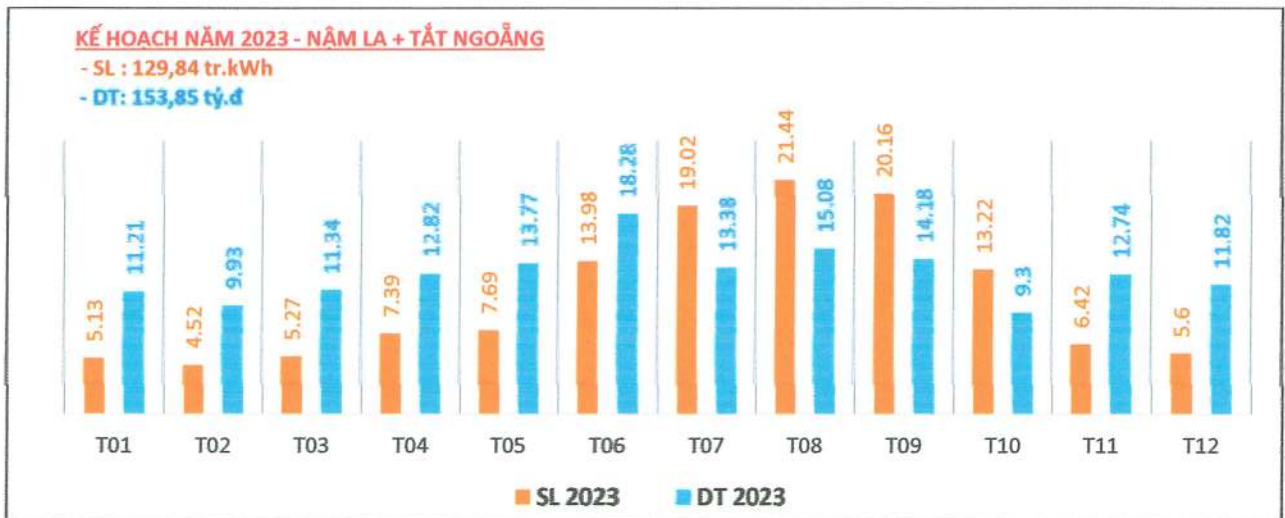


## B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

### I. KẾ HOẠCH PHÁT ĐIỆN

Dự báo năm 2023 điều kiện thời tiết thuận lợi như năm 2022 rất khó lặp lại. Căn cứ mực nước Hồ Bản Mòng ngày 01/01/2023 và dự kiến thủy văn lưu vực Nhà máy Thủy điện Nậm La và thủy văn lưu vực Thủy điện Tắt Ngoẵng. Ban Điều hành xây dựng Kế hoạch phát điện năm 2023 thấp hơn 2022, tuy nhiên vẫn kỳ vọng cao hơn sản lượng thiết kế của Nhà máy Nậm La và sát với thực tế qua các năm đã phát điện của NM Tắt Ngoẵng.

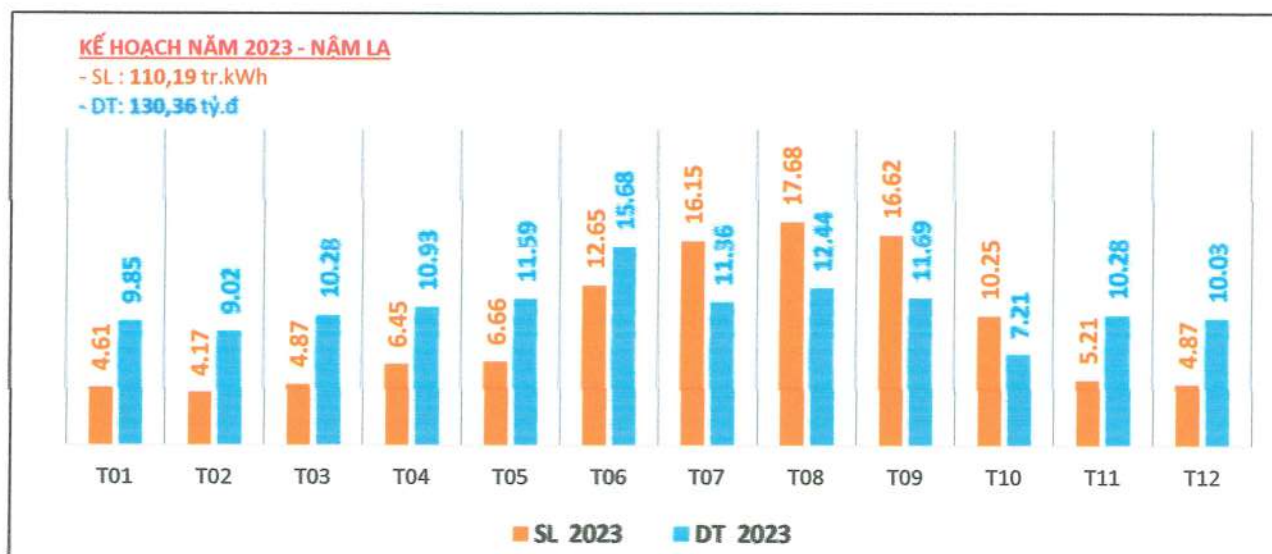
Tổng hợp kế hoạch phát điện của 2 nhà máy như sau:



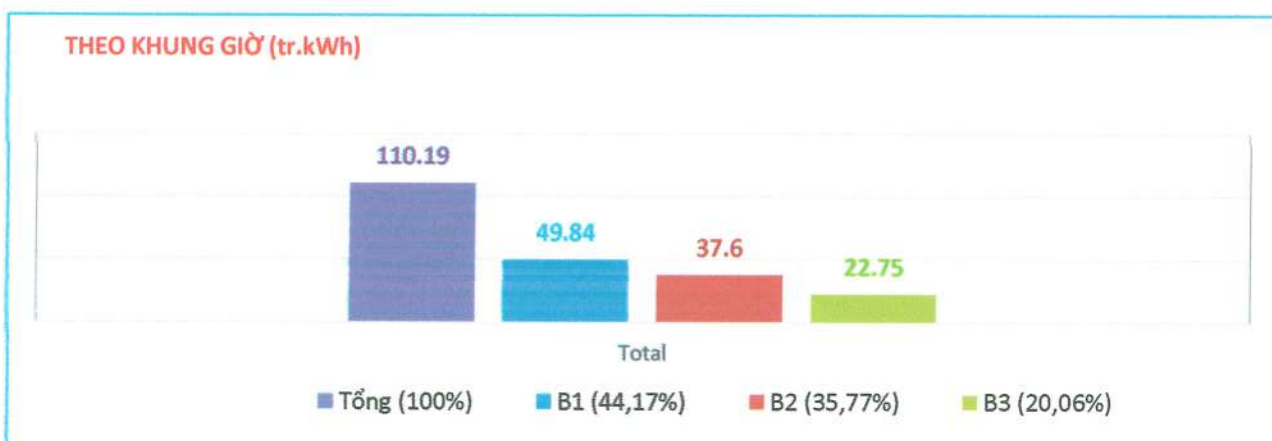
#### 1. Thủy điện Nậm La:

- Bám sát quy trình tích nước và xả nước của Hồ Bản Mòng để có những giải pháp, đề xuất phù hợp nhằm đạt được lợi ích cao nhất cho Nhà máy Thủy điện Nậm La.
- Tiếp tục phát huy mối quan hệ đã đạt được để phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý Hồ Bản Mòng điều tiết lưu lượng dòng xả để tránh tràn đập mùa mưa, tăng công suất phát điện giờ cao điểm mùa khô.
- Duy trì vận hành liên tục, an toàn và hiệu quả; Kế hoạch tiểu tu 03 tổ máy trong tháng 02/2023 hoàn thành, sẽ hạn chế thấp nhất thời gian phải dừng máy trong giờ cao điểm để sửa chữa.
- **Một số công việc chính trong kế hoạch năm 2023:**
  - Bảo dưỡng, tiểu tu 03 TM trong tháng 02/2023;
  - Cài tạo, nâng cấp khu vực CNN, đường QL VH và khu vực NM
  - Đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống điều khiển, giám sát tự động
  - Nghiên cứu PA vớt rác, bẫy bùn từ xa hoặc PA cài tạo, bổ sung Cửa lấy nước nhằm ổn định công suất phát vào mùa mưa (dự kiến hoàn thiện PA để trình HĐQT vào năm 2024);
  - Hoàn thiện các quy trình: Quy trình phát điện hiệu quả và các quy trình vận hành, sửa chữa MMTB;
  - Và triển khai các mục tiêu phát triển bền vững theo Hệ thống VCP Holdings.





**Chi tiết kế hoạch phát điện Thủy điện Nậm La năm 2023:**



**2. Thủy điện Tắt Ngoẳng:**

Bám sát kế hoạch phát điện của Nhà máy Thủy điện Mường Sang 3 để có phương án chạy máy phù hợp, đặc biệt vào khung giờ cao điểm mùa khô. Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẳng cuối năm 2022 đã hoàn thành kế hoạch tiểu tu 01 tổ máy, do đó rất kỳ vọng lại có 01 năm phát điện hiệu quả, tuy nhiên sẽ đặt kế hoạch thấp hơn năm 2022 cho sát với thực tế hơn.

**Một số công việc chính trong kế hoạch năm 2023:**

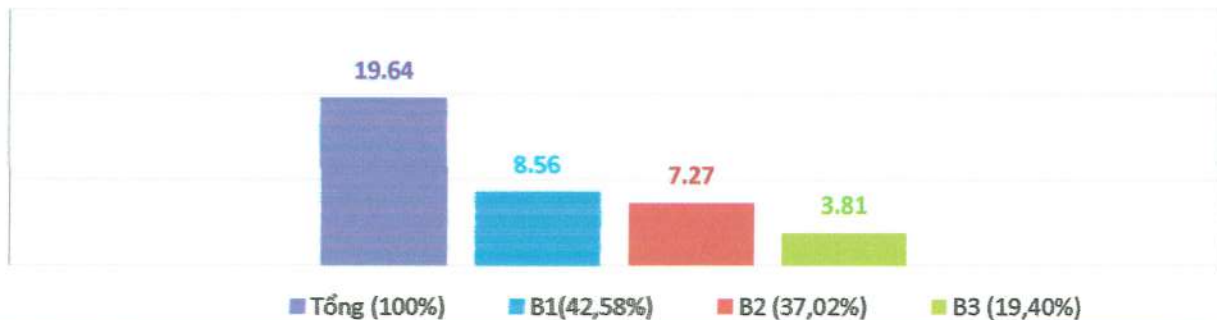
- Tiểu tu 01 TM còn lại và hoàn thành trong vào giữa T01/2023;
- Cải tạo hạ lưu: Bể xả, cống xả, kênh dẫn, nâng cấp đường QLVH xung quanh Nhà máy và hệ thống chắn rác Cửa lấy nước;
- Mua máy phát dự phòng (Máy cũ thường xuyên hỏng hóc) và VTTB dự phòng khác;
- Lập phương án nâng cấp hệ thống điều khiển, giám sát tự động (để triển khai trong năm 2024);
- Hoàn thiện các quy trình: Quy trình phát điện hiệu quả và các quy trình vận hành, sửa chữa MMTB;
- Và triển khai các mục tiêu phát triển bền vững theo Hệ thống VCP Holdings.

**Chi tiết kế hoạch phát điện Thủy điện Tắt Ngoẳng năm 2023:**

**KẾ HOẠCH NĂM 2023 - TẮT NGOẰNG**

- SL: 19,64 TR.KWH

- DT: 23,49 TỶ.Đ


**SL THEO KHUNG GIỜ (tr.kWh)**

**II. CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH NĂM 2022 VÀ KH SXKD NĂM 2023:**

Stt	Nội dung	ĐVT	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)	KH 2023
<b>A</b>	<b>TỔNG DOANH THU</b>	Đồng	<b>152.893.184.257</b>	<b>162.108.127.884</b>	<b>106,03</b>	<b>156.402.197.293</b>
1	Điện lượng	kWh	124.336.038	139.018.871	111,81	129.836.780
1.1	NM Nậm La	nt	98.581.876	116.266.290	117,94	110.193.444
1.2	NM Tắt Ngoẵng	nt	25.754.162	22.752.581	88,35	19.643.336
2	Doanh thu bán điện	Đồng	<b>150.315.622.278</b>	<b>159.719.115.098</b>	<b>106,26</b>	<b>153.845.733.122</b>
2.1	NM Nậm La		121.305.076.014	133.219.528.659	109,82	130.356.813.666
2.2	NM Tắt Ngoẵng		29.010.546.264	26.499.586.439	91,34	23.488.919.456
3	Doanh thu HĐTC	Đồng	<b>1.785.561.979</b>	<b>1.930.413.635</b>	<b>108,11</b>	<b>2.006.464.171</b>
4	DT, TN khác	Đồng	<b>792.000.000</b>	<b>458.599.151</b>	<b>57,90</b>	<b>550.000.000</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ SXKD</b>	Đồng	<b>105.174.001.571</b>	<b>102.807.398.858</b>	<b>97,75</b>	<b>108.124.067.566</b>
1	Chi phí QLDN	Đồng	<b>2.137.056.550</b>	<b>2.837.899.419</b>	<b>132,79</b>	<b>3.919.130.697</b>
2	Chi phí SX trực tiếp	Đồng	<b>72.080.515.472</b>	<b>69.349.958.494</b>	<b>96,21</b>	<b>75.669.705.783</b>



Stt	Nội dung	ĐVT	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)	KH 2023
3	Chi phí tài chính	Đồng	30.956.429.549	30.619.540.945	98,91	28.535.231.086
4	Chi phí khác	Đồng		66.482.155		
<b>C</b>	<b>LỢI NHUẬN (SAU THUẾ)</b>	Đồng	<b>45.333.223.551</b>	<b>56.571.443.476</b>	<b>124,79</b>	<b>45.864.223.240</b>
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	47.719.182.686	59.234.246.871	124,13	48.278.129.727
-	LN từ HĐKD (bán điện)		47.719.182.686	58.842.129.875	123,31	47.728.129.727
-	LN khác			392.116.996		550.000.000
2	Thuế TNDN	Đồng	2.385.959.134	2.662.803.395	111,60	2.413.906.486
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	45.333.223.551	56.571.443.476	124,79	45.864.223.240
<b>D</b>	<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	Đồng		<b>51.453.554.918</b>		<b>45.528.223.240</b>
1	Trả cổ tức: 10%*VĐL			31.500.000.000		31.500.000.000
2	Trích quỹ Dự phòng TC: 10%*LN			5.145.355.492		4.552.822.324
3	Trích quỹ Đầu tư phát triển: (LN-1-2)*80%			11.846.559.541		7.580.320.733
4	Trích quỹ khen thưởng: (LN-1-2-3)			2.961.639.885		1.895.080.183

\* PP Lợi nhuận 2022 là dự kiến sau khi bù lỗ 2021, trả thù lao HĐQT, BKS.

### III. KẾ HOẠCH DỰ PHÒNG KINH PHÍ SỬA CHỮA, THAY THẾ LỚN TSCĐ

Nhà máy Thủy điện Nậm La được đưa vào vận hành thương mại từ năm 2011, đến nay đã được trên 12 năm và Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoảng đưa vào vận hành thương mại từ năm 2015, đến nay cũng đã được 8 năm. Hàng năm hai Nhà máy không được đưa ra bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ. Qua kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tổng thể đầu năm 2023 vừa qua (Tắt Ngoảng tháng 01/2023, Nậm La tháng 02/2023) nhận thấy: Các Hệ thống thiết bị chính và Hệ thống thiết bị phụ trợ của hai Nhà máy còn rất nhiều tồn tại cần sớm được khắc phục, thay thế:

(Chi tiết tại Báo cáo tổng hợp sau kỳ sửa chữa 2023 của Công ty Cơ điện VCP).

Với mục tiêu vừa đảm bảo máy móc vận hành liên tục, ổn định, vừa đảm bảo không làm biến động chi phí sản xuất kinh doanh các năm, việc chuẩn bị nguồn mua sắm thiết bị dự phòng thay thế trong **1-3 năm** tới cần được thống nhất triển khai. Trong đó, phương án **trích quỹ đầu tư phát triển** từ lợi nhuận sau thuế, với giá trị khoảng **20-22 tỷ đồng**, là một trong những phương án khả thi sẽ được Ban điều hành đề xuất HĐQT, ĐHCĐ, bắt đầu từ kết quả SXKD năm 2022. Dự kiến năm 2023 Công ty triển khai một số nội dung sau:

#### Nhà máy Nậm La:

- Mua dự phòng 02 tuabin gáo, 06 kim phun + mặt bích, lá tiadự phòng;
- Nâng cấp Hệ thống điều khiển giám sát;
- Mua dự phòng TU, máy cắt;
- Một số VTTB phụ trợ dự phòng khác;
- Cải tạo, nâng cấp Nhà máy, Đường QL VH, Cửa nhận nước.

**Tổng chi phí dự kiến cho năm 2023: khoảng 12 tỷ đồng.**

#### Nhà máy Tắt Ngoảng:

- Cải tạo Hạ lưu: Bể xả, Cống thoát và Kênh dẫn, Đường QLVH, Cửa nhận nước;
- Nâng cấp Hệ thống điều khiển, giám sát;
- Mua TU, TI và máy phát Diesel dự phòng;
- Bổ sung một số tồn tại về PCCC;
- Nghiên cứu phương án nâng cao cầu trục và mái Nhà máy (dự kiến thực hiện vào năm 2024);
- Mua dự phòng một số VTTP phụ trợ khác.

**Tổng chi phí dự kiến cho năm 2023: khoảng 6 tỷ đồng.**

#### **IV. CÁC KẾ HOẠCH KHÁC**

- Đáp ứng đúng lộ trình, kế hoạch triển khai dự án ERP của VCP Holdings;
- Xác lập sở hữu chung Đường dây 110kV với Thủy điện Nậm Pàn 5, đoạn từ vị trí cột số 15 đến Trạm biến áp 220kV Sơn La. Doanh thu được ghi nhận vào tháng 01/2024 (sau khi đối tác thanh toán 100% giá trị Hợp đồng xác lập sở hữu chung);
- Dự kiến tách Thủy điện Tắt Ngoảng thành pháp nhân độc lập vào cuối năm 2023;
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo ổn định tài chính trước dự báo kém khả quan về tình trạng thủy văn cũng như khả năng thanh toán tiền điện đúng hạn.
- Duy trì và ứng dụng có chiều sâu các công cụ quản lý hiện đại: BSC, 5S, Kaizen;...
- Tiếp tục duy trì đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch đào tạo chung, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc cho giai đoạn tái cơ cấu mạnh mẽ của hệ thống VCP.

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và dự kiến Kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La. HĐQT Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- VCP Holdings (b/c);
- Lưu TCKH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Ngọc Tú**

**Các phụ lục đính kèm báo cáo:**

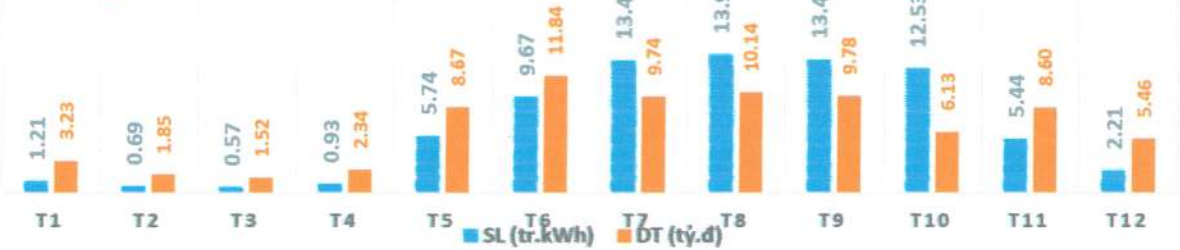
1. Phụ lục 01 - Thủy điện Đăkglun năm 2022 và KH 2023
2. Phụ lục 02 - Biểu đồ so sánh phát điện với một số năm trước
3. Phụ lục 03 - Báo cáo tài chính sau kiểm toán 2022
4. Phụ lục 04 - Kế hoạch SXKD năm 2023
5. Phụ lục 05 - Kế hoạch triển khai BSC năm 2023
6. Phụ lục 06 - Báo cáo tình trạng MMTB sau kỳ sửa chữa, bảo dưỡng T1,2/2023



**PHỤ LỤC 01: THỦY ĐIỆN ĐẮKGLUN - Cty SMA trực thuộc Công ty Nậm La (51%)**
**THỰC HIỆN 2022 - ĐẮKGLUN**

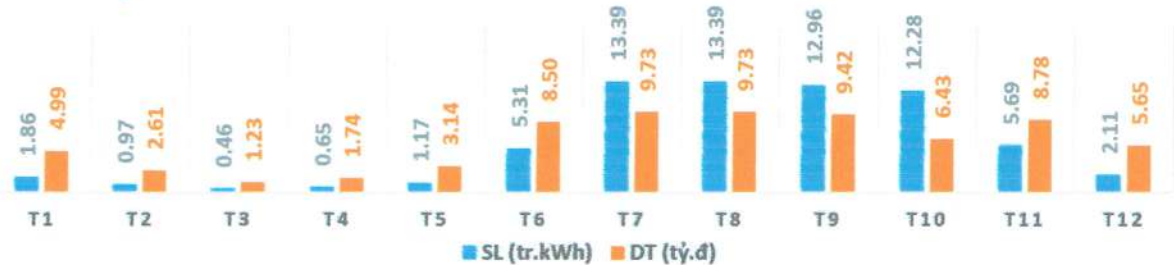
- SL: 79,81 TR.KWH

- DT: 79,31 TỶ.Đ


**KẾ HOẠCH NĂM 2023 - ĐẮKGLUN**

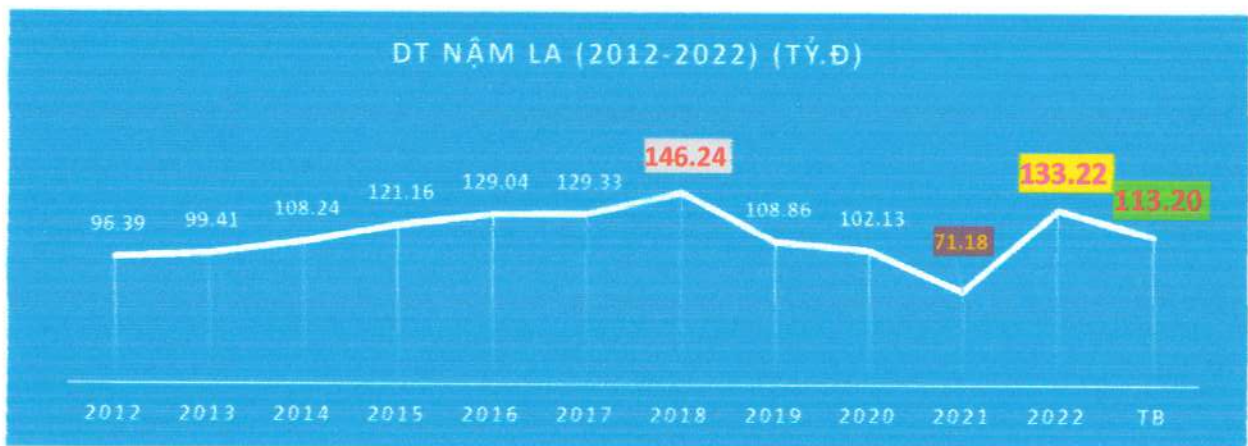
- SL: 70,24 TR.KWH

- DT: 71,94 TỶ.Đ


**SL ĐẮKGLUN 2012-2022 (TR.KWH)**

**DT ĐẮKGLUN 2012-2022 (TỶ.Đ)**


**PHỤ LỤC 02: TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHÁT ĐIỆN NẬM LA VÀ TẮT NGOẰNG**





## **BÁO CÁO**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

#### **Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La xin báo cáo Đại Hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và xây dựng trọng tâm kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

#### **A. PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022**

HĐQT đã bám sát những mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế mà Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua để chỉ đạo, giám sát các hoạt động SXKD, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra với mục đích đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

#### **I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

##### **1. Nhân sự của HĐQT Công ty đương nhiệm:**

Hiện có 5 người, gồm:

<b>Ông Vũ Ngọc Tú</b>	Chủ tịch HĐQT
<b>Ông Phạm Văn Minh</b>	Phó chủ tịch HĐQT
<b>Ông Nguyễn Tiến Khanh</b>	Phó chủ tịch HĐQT
<b>Ông Thiệu Quang Quyền</b>	Thành viên HĐQT
<b>Bà Nguyễn Thị Hà Ninh</b>	Thành viên HĐQT

**Ông Vũ Ngọc Tú** là chủ tịch HĐQT Công ty - là **Người đại diện pháp luật** của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty sửa đổi lần 6, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp ngày 22/10/2020.

Các thành viên trong HĐQT đều làm việc kiêm nhiệm, hoạt động theo hình thức không chuyên trách. Việc phân công nhiệm vụ trong HĐQT căn cứ vào điều kiện thực tế và cương vị công tác của từng thành viên.

##### **2. Giám sát, đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2022, HĐQT đã giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quy chế quản lý của Công ty;
- Chỉ đạo và giám sát việc triển khai các biện pháp cần thiết trong điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty;
- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản, vay và sử dụng vốn, cung cấp nguồn vốn, tài chính cho SXKD của Công ty; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, củng cố nhân sự, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí, ...

Trong năm 2022, mọi hoạt động quản lý, điều hành SXKD của Công ty đều được HĐQT chỉ đạo, giám sát theo đúng thẩm quyền. Ban điều hành đã nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các nội



quy, quy chế của Công ty; luôn nỗ lực, chủ động, tích cực thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy thủy điện Nậm La và Tắt Ngoãng trong năm 2022 khá thuận lợi khi mưa nhiều hơn, nguồn nước từ Hồ Bản Mòng đã ổn định, các máy móc, thiết bị phụ trợ được mua mới hoặc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên theo định kỳ.

## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

### 1. Các chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ SXKD:

*ĐVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)	SS với 2021 (%)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>92,30</b>	<b>152,89</b>	<b>162,11</b>	<b>106,03</b>	<b>175,63</b>
<b>Trong đó: DT bán điện</b>	<b>91,53</b>	<b>150,31</b>	<b>159,72</b>	<b>106,26</b>	<b>174,50</b>
- Nậm La	71,18	121,30	133,22	109,82	187,16
- Tắt Ngoãng	20,35	29,01	26,50	91,34	130,22
<b>Chi phí</b>	<b>98,72</b>	<b>105,17</b>	<b>102,81</b>	<b>97,75</b>	<b>104,14</b>
- Chi phí trực tiếp	67,50	72,08	69,35	96,21	102,74
Chi phí tài chính	26,40	30,95	30,62	98,91	115,98
- Chi phí quản lý	4,82	2,14	2,84	132,80	58,92
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(6,03)</b>	<b>47,72</b>	<b>59,23</b>	<b>124,13</b>	<b>982,25</b>
Tr.đó: Lợi nhuận khác	0,39		0,39		
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(6,03)</b>	<b>45,33</b>	<b>56,57</b>	<b>124,80</b>	<b>938,14</b>

### 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đến 31/12/2022:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2022	31/12/2022	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	50.005	59.508	8%
Tài sản dài hạn	tr.đ	744.112	693.601	92%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>tr.đ</b>	<b>794.117</b>	<b>753.109</b>	<b>100%</b>
Nợ ngắn hạn	tr.đ	141.906	133.734	35%
Nợ dài hạn	tr.đ	335.471	246.316	65%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>tr.đ</b>	<b>477.377</b>	<b>380.050</b>	<b>100%</b>

### 3. Nợ vay tại ngày 31/12/2022:

*ĐVT: tỷ đồng*

Stt	Nội dung	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn đến hạn trả	Cộng
1	Tổ chức	138,10		-	138,10
2	Ngân hàng	108,67		37,5	146,17
	<b>Cộng</b>	<b>246,77</b>		<b>37,5</b>	<b>284,27</b>

### 4. Hoạt động của HĐQT:

HQĐT luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.



HDQT hoạt động bằng cách ban hành Nghị quyết và chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc ban hành các quy định, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và bằng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HDQT.

HDQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HDQT, số lượng thành viên出席 các cuộc họp để thực hiện các Nghị quyết phù hợp sự phát triển và chiến lược kinh doanh trong các năm và lãnh đạo thực hiện các mục tiêu mang lại lợi nhuận cao nhất cho Cổ đông và quyền lợi của Người lao động. Các thành viên HDQT thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT; đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các Nghị quyết của Công ty; đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành và các bộ phận cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban lãnh đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chiến lược của Công ty.

Các nghị quyết của HDQT luôn bám sát nhiệm vụ hoạt động SXKD của Công ty, tuân thủ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, từ đó có định hướng, chỉ đạo cụ thể cho công tác SXKD của Công ty.

**Tổng kết các cuộc họp HDQT và các NQHĐQT:**

Trong năm 2022, HDQT đã tổ chức các cuộc họp theo quy định để thống nhất triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Trong đó các nội dung trọng yếu HDQT đã thông qua cụ thể như sau:

Stt	Số/kí hiệu VB	Ngày tháng VB	Nội dung QĐ, NQ
<b>I</b>	<b>Quyết định</b>		
1	01/QĐ-HDQT	15/02/2022	Phê duyệt phương án khảo sát, đề cương thiết kế HM: đánh giá hiện trạng và đề xuất PA cải tạo NM Tắt Ngoẵng
2	05/QĐ-HDQT	24/10/2022	Phê duyệt chủ chương thực hiện cải tạo nâng cấp khu vực cửa lấy nước, đường QL vận hành NMTĐ Nậm La
3	06/QĐ-HDQT	05/12/2022	Phê duyệt chủ trương tiêu tu các tổ máy NMTĐ N.La và NMTĐ T.Ngoẵng
<b>II</b>	<b>Nghị Quyết</b>		
1	01/NQ-HDQT	11/3/2022	NQ thông qua KH SXKD 2022 và ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2022
2	02/NQ-HDQT	10/8/2022	Nghị quyết v/v Thống nhất chủ trương chia sẻ quyền sở hữu đường dây 110kV

**Thù lao của Hội đồng Quản trị:**

Tiền thù lao của HDQT đã được chi trả theo đúng quy định được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

**5. Hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành:**

Trong năm qua, Ban Điều hành Công ty đã phối hợp chặt chẽ với HDQT triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và các chủ trương của HDQT.

Các thành viên Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu của Công ty. Các quyết định của Ban Tổng giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời.

**B. PHẦN THỨ HAI: ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

Dự báo năm 2023 điều kiện thời tiết thuận lợi như năm 2022 rất khó lặp lại. Căn cứ mực nước Hồ Bản Mòng ngày 01/01/2023 và dự kiến thủy văn lưu vực Nhà máy Thủy điện Nậm La và thủy văn lưu vực Thủy điện Tắt Ngoẵng. Ban Điều hành xây dựng Kế hoạch phát điện năm 2023 thấp hơn 2022, tuy nhiên vẫn kỳ vọng cao hơn sản lượng thiết kế của Nhà máy Nậm La và sát với thực tế qua các năm đã phát điện của NM Tắt Ngoẵng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2023, HDQT đề ra phương hướng hoạt động như sau:

**I. ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2023**

0578  
 Y  
 N  
 EN  
 A  
 2022

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2022	TH 2022	TH/KH (%)	KH 2023
<b>1</b>	<b>Điện lượng</b>	<b>kWh</b>	<b>124.336.038</b>	<b>139.018.871</b>	<b>111,81</b>	<b>129.836.780</b>
1.1	NM Nậm La	nt	98.581.876	116.266.290	117,94	110.193.444
1.2	NM Tắt Ngoẵng	nt	25.754.162	22.752.581	88,35	19.643.336
<b>2</b>	<b>Doanh thu bán điện</b>	<b>Đồng</b>	<b>150.315.622.278</b>	<b>159.719.115.098</b>	<b>106,26</b>	<b>153.845.733.122</b>
2.1	NM Nậm La		121.305.076.014	133.219.528.659	109,82	130.356.813.666
2.2	NM Tắt Ngoẵng		29.010.546.264	26.499.586.439	91,34	23.488.919.456
<b>3</b>	<b>Doanh thu HĐTC</b>	<b>Đồng</b>	<b>1.785.561.979</b>	<b>1.930.413.635</b>	<b>108,11</b>	<b>2.006.464.171</b>
<b>4</b>	<b>DT, TN khác</b>	<b>Đồng</b>	<b>792.000.000</b>	<b>458.599.151</b>	<b>57,90</b>	<b>550.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí QLDN</b>	<b>Đồng</b>	<b>2.137.056.550</b>	<b>2.837.899.419</b>	<b>132,79</b>	<b>3.919.130.697</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí SX trực tiếp</b>	<b>Đồng</b>	<b>72.080.515.472</b>	<b>69.349.958.494</b>	<b>96,21</b>	<b>75.669.705.783</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>Đồng</b>	<b>30.956.429.549</b>	<b>30.619.540.945</b>	<b>98,91</b>	<b>28.535.231.086</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Đồng</b>		<b>66.482.155</b>		
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>47.719.182.686</b>	<b>59.234.246.871</b>	<b>124,13</b>	<b>48.278.129.727</b>
-	LN từ HĐKD (bán điện)		47.719.182.686	58.842.129.875	123,31	47.728.129.727
-	LN khác			392.116.996		550.000.000
<b>2</b>	<b>Thuế TNDN</b>	<b>Đồng</b>	<b>2.385.959.134</b>	<b>2.662.803.395</b>	<b>111,60</b>	<b>2.413.906.486</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>45.333.223.551</b>	<b>56.571.443.476</b>	<b>124,79</b>	<b>45.864.223.240</b>
1	Trà cổ tức: 10%*VDL			31.500.000.000		31.500.000.000
2	Trích quỹ Dự phòng TC: 10%*LN			5.145.355.492		4.552.822.324
3	Trích quỹ Đầu tư phát triển: (LN-1-2)*80%			11.846.559.541		7.580.320.733
4	Trích quỹ khen thưởng: (LN-1-2-3)			2.961.639.885		1.895.080.183

\* PP Lợi nhuận 2022 là dự kiến sau khi bù lỗ 2021, trả thù lao HĐQT, BKS.

## II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp trong SXKD và quản lý vận hành:

Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh; Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, tổ chức nạo vét, khơi tăng dung tích hồ chứa, làm tốt công tác điều tiết nước phục vụ phát điện vào các khung giờ có lợi nhằm nâng cao hiệu quả, phát huy hiệu quả phát điện một cách cao nhất từ nguồn nước hiện có.

Tối ưu hoá hoạt động các nhà máy đang vận hành theo hướng tinh gọn bộ máy, kết hợp với việc kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Không ngừng nghiên cứu các giải pháp nâng công suất, cảnh báo sự cố, giảm thiểu tổn thất, cải tiến máy móc, thiết bị... nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. Tăng cường tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề vận hành các Nhà máy điện, tiếp tục hoàn thiện hơn nữa cẩm nang xử lý sự cố, chú trọng công tác hướng



dẫn, đào tạo nâng cao tay nghề, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, vận hành và xử lý sự cố phổ biến đến mọi CBNV nhà máy trong toàn hệ thống.

Phối hợp chặt chẽ với Đơn vị quản lý vận hành Hồ Bản Mòng: Căn cứ quy trình tích nước và xả nước của Hồ Bản Mòng để có những giải pháp, đề xuất phù hợp, nhằm đạt được lợi ích cao nhất trong thực hiện nhiệm vụ SXKD của Nhà máy Thủy điện Nậm La.

Thực hiện cải tạo hạ lưu: Bể xả, cửa xả, kênh dẫn nhằm nâng cao hiệu quả và an toàn cho vận hành Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng, bám sát kế hoạch phát điện của Nhà máy Thủy điện Mường Sang 3 để có phương án chạy máy phù hợp, đặc biệt vào khung giờ cao điểm mùa khô của Nhà máy Tắt Ngoẵng.

## 2. Công tác tài chính:

Ổn định về tài chính, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu tài chính phục vụ sản xuất và đầu tư xây dựng cũng như sửa chữa thiết bị, mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng cần thiết, không để ngừng trệ ảnh hưởng đến quá trình SXKD.

Đảm bảo thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ tiền bán điện; trả gốc, lãi vay các Ngân hàng theo đúng kỳ hạn.

Thực hiện rà soát và tiết giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

## 3. Công tác quản trị nhân lực:

Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, những người có chuyên môn, trình độ năng lực, giàu kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

Sử dụng quỹ khen thưởng cho người lao động, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt.

## 4. Các công tác khác:

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện vận hành tốt và an toàn các Nhà máy Thủy điện, nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời, thực hiện các chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân mang lại lợi ích cho Công ty; Chỉ đạo thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Chỉ đạo việc tổ chức Đại Hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Năm 2023, HĐQT sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển Công ty, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát sát sao hoạt động của Ban điều hành, nhằm đạt được độ an toàn và hiệu quả cao nhất có thể cho hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo vốn đầu tư của các Cổ đông tại Công ty.

Để vượt qua những thách thức và hoàn thành những mục tiêu đề ra, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La mong muốn nhận được sự ủng hộ, tạo điều kiện và cam kết gắn bó lâu dài của các Quý Cổ đông, các đối tác và toàn thể CBCNV trong Công ty.

Cuối cùng, xin kính chúc sức khỏe các Quý vị cổ đông, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- VCP (b/c);
- Lưu VT.









Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
<b>A</b>	<b>Hệ số thanh toán</b>			
1	Hệ số thanh toán hiện hành = Tổng TS/NPT	Lần	1,98	1,66
2	Hệ số thanh toán ngắn hạn = TS NH/Nợ NH	Lần	0,44	0,35
<b>B</b>	<b>Hệ số cơ cấu nguồn vốn</b>			
1	Cơ cấu Tài sản NH = TS NH/Tổng TS	%	7,9%	6,3%
2	Cơ cấu vốn nợ = NPT/Vốn CSH	Lần	1,02	1,51
<b>C</b>	<b>Hệ số khả năng sinh lời</b>			
1	Tỷ suất LNST/Tổng TS (ROA)	%	7,5%	- 0,76%
2	Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	%	15,2%	- 1,90%

- Hệ số thanh toán của Công ty cuối năm 2022 tốt hơn cuối năm 2021: Hệ số thanh toán hiện hành tăng từ 1,66 lần lên 1,98 lần tại thời điểm cuối năm. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,35 lần lên 0,44 lần tại thời điểm cuối năm. Nhưng do tài sản ngắn hạn vẫn nhỏ hơn nợ ngắn hạn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và thanh toán trong ngắn hạn, chỉ số này cho thấy 1 đồng nợ ngắn hạn được tài trợ bởi 0,44 đồng tài sản ngắn hạn.

- Hệ số cơ cấu nguồn vốn cũng có sự thay đổi tích cực như: Cơ cấu tài sản ngắn hạn cũng tăng lên 7,9% so với giai đoạn đầu năm 6,3%. Cơ cấu vốn nợ cũng giảm từ 1,51 đầu năm xuống 1,02 cuối năm, cho thấy cơ cấu nợ trên vốn chủ đã được giảm đi.

- Hệ số khả năng sinh lời năm 2022 đã thay đổi tích cực so với năm 2021 nguyên nhân là do lợi nhuận đang được cải thiện từ lỗ thành lãi. Đặc biệt tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ đạt 15,2% cho thấy 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra sẽ thu về 15,2 đồng lợi nhuận sau thuế. Nhưng nhận định trên đều cho thấy tình hình tài chính của Công ty đã được cải thiện hơn so với năm 2021.

#### 4. Kết quả thẩm định BCTC năm 2022

- Báo cáo tài chính năm 2022 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2022.

- Công ty đã tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính. Việc lập, luân chuyển chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, đầy đủ và đúng mẫu biểu theo chế độ kế toán hiện hành.

#### 5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGD

- Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGD Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

- Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

### III. Kết luận và Kiến nghị

#### 1. Kết luận

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của pháp luật.

20052  
GTY  
HẠN  
DIỆN  
Á LÃ  
V. T. S



- Với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đã tiếp tục thể hiện sự phát triển của Công ty.
- Công tác đầu tư của công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, việc quản lý giám sát công tác đầu tư tại các công ty con được thực hiện chặt chẽ thông qua hệ thống báo cáo định kỳ, thường xuyên thông qua người đại diện quản lý vốn tại các công ty con.
- Ban Kiểm soát nhận định trong năm 2022, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý trong đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành. Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đầu tư cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường và điều kiện tự nhiên trong điều kiện khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **2. Kiến nghị của Ban Kiểm soát**

### **2.1. Kiến nghị công tác quản lý**

- HĐQT, BTGD phát huy lãnh đạo chỉ đạo sát sao, quyết liệt để Nậm La hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục thực hiện chủ trương thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhưng đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban TGD Công ty xem xét áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, chương trình 5S tại các Nhà máy nhằm đảm bảo máy móc thiết bị vận hành an toàn, hiệu quả và môi trường làm việc tiến tới sự chuyên nghiệp.
- Sát sao hơn trong việc tổ chức, thực hiện kế hoạch phát điện hợp lý để khai thác tối ưu lượng nước về hồ và đặc biệt là vào mùa khô từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD như ứng dụng về quản lý, vận hành, giám sát kỹ thuật.
- Trong giai đoạn hơn 12 năm vận hành phát điện kể từ năm 2022, Nhà máy đã thực hiện duy tu, sửa chữa theo sự vụ phát sinh mà chưa đưa vào sửa chữa định kỳ đồng bộ, do vậy Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét kế hoạch duy tu dài hạn và ngắn hạn ở các năm tiếp theo.

### **2.2. Kiến nghị về công tác Tài chính, Kế toán**

- Khoản phải trả về cổ tức tại thời điểm cuối năm là 81,9 tỷ, trong đó: Phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP: 67,7 tỷ; Phải trả các cổ đông khác: 14,2 tỷ. Đề nghị Ban Tổng Giám đốc Công ty có kế hoạch cân đối về nguồn tiền để thanh toán dứt điểm khoản nợ về cổ tức này nâng cao uy tín và lấy lại cân cân thanh toán trong ngắn hạn.
- Trong năm Công ty đang đi vay nhưng phát sinh khoản phải thu về cho vay với số tiền 24 tỷ tại thời điểm cuối năm. Đề nghị Ban Tổng Giám đốc xem xét cân nhắc thu hồi khoản cho vay để thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp và đối tượng khác, đặc biệt việc làm này hoàn toàn có rủi ro khi CQT loại trừ chi phí lãi vay khi xác định chi phí tính thuế TNDN.
- Tiếp tục đánh giá khả năng thu hồi công nợ của các khoản phải thu, đối với các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng từ các năng trước như khoản phải thu Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện 274tr; Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Trảng An: 185tr; DNTN Đức Chí 164tr... Đề nghị HĐQT phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp sát sao hơn nữa nhằm thu hồi khoản công nợ này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá, xem xét trình HĐQT và ĐHCĐ nếu không thu hồi được công nợ có biện pháp xử lý như bán nợ khó đòi hoặc xử lý vào kết quả kinh doanh.
- Tại ngày 31/12/2021 Công ty đang treo khoản phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xây lắp Sông Đà với số tiền 10,6 tỷ, đây là khoản tiền bán điện của Thủy điện Tắt Ngoẵng, Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà thu hộ, trong năm 2022 Công ty đã thu được một phần và số dư tại ngày 31/12/2022 hơn 200tr. Đề nghị Ban Tổng Giám đốc có những giải pháp để thu hồi khoản tiền này trong khi Công ty đang đi vay và có các khoản nợ phải trả đến hạn thanh toán, hơn nữa khoản phải thu này không có lãi có thể thấy hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngắn hạn chưa cao.
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn là 0,44 lần tại ngày 31/12/2022. Đề nghị HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thực hiện thêm các giải pháp để tăng nguồn lực tài chính bằng cách huy động vốn, tìm kiếm

các nhà tài trợ vốn, tổ chức tín dụng có cơ chế tài trợ vốn phù hợp, đảm bảo dự án có khả thi cao và hiệu quả chuẩn bị cho các dự án đầu tư sắp tới của Công ty.

- Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaseen 6 hơn 700tr đã đầu tư từ lâu nhưng không thấy thông báo cổ tức, xem xét liên hệ, tìm giải pháp và các đối tác để thoái vốn khỏi khoản đầu tư này. Dòng tiền thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn sẽ được cải thiện.

## **B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023**

### **I. Nhiệm vụ chung**

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Trong năm 2022, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kì theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

### **II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2023**

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.

- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về chi trả cổ tức năm 2023.

- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La năm 2022; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VP Cty + BKS

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Đinh Thị Hạnh**



Số: 01/2023/TT- HĐQT

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2022)

**Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành và được Công ty Cổ phần thủy điện Nậm La công bố, bao gồm:

1. Báo cáo của Tổng Giám đốc;
2. Báo Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó có một số chỉ tiêu chính sau:

**I. Công ty mẹ**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)
1	Tổng tài sản	753.109.096.912
2	Vốn chủ sở hữu	373.058.701.412
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.719.115.098
4	Lợi nhuận trước thuế	59.234.246.871
5	Lợi nhuận sau thuế	56.571.443.476

**II. Hợp nhất toàn Công ty**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)
1	Tổng tài sản	1.026.879.130.399
2	Vốn chủ sở hữu	487.148.349.719
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.485.466.065
4	Lợi nhuận trước thuế	81.041.963.602
5	Lợi nhuận sau thuế	75.220.978.626
-	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61.118.657.781
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	14.102.320.845

Chi tiết tại Báo cáo đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua!  
Trân trọng!

**Nơi nhận:**

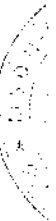
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH****Vũ Ngọc Tú**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(đã được kiểm toán)





**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 41

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500290578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/10/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Khanh	Phó Chủ tịch
Ông Thiệu Quang Quyến	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phạm Quang Minh**

Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được lập ngày 23 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023



**Hoàng Đức Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4876-2019-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>73.538.237.286</b>	<b>67.305.253.696</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>7.521.291.891</b>	<b>15.694.828.454</b>
111	1. Tiền		6.021.291.891	10.694.828.454
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.500.000.000	5.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>63.256.545.143</b>	<b>42.163.468.806</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.113.478.477	22.427.839.289
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.866.074.461	877.244.156
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	19.676.045.757	7.269.297.208
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	8.454.964.746	12.323.106.451
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(854.018.298)	(734.018.298)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.741.541.985</b>	<b>2.833.286.205</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.750.337.985	2.842.082.205
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.796.000)	(8.796.000)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.018.858.267</b>	<b>6.613.670.231</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.018.857.867	553.183.879
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	5.980.937.025
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	400	79.549.327
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>953.340.893.113</b>	<b>1.040.173.975.695</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.324.600.000</b>	<b>24.600.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	4.300.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	24.600.000	24.600.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>843.233.155.233</b>	<b>918.002.002.044</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	843.233.155.233	918.002.002.044
222	- Nguyên giá		1.503.179.172.950	1.502.653.101.975
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(659.946.017.717)	(584.651.099.931)
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>732.000.000</b>	<b>732.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		732.000.000	732.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>105.051.137.880</b>	<b>121.415.373.651</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	9.044.757.455	14.641.922.524
269	2. Lợi thế thương mại	13	96.006.380.425	106.773.451.127
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.026.879.130.399</b>	<b>1.107.479.229.391</b>




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

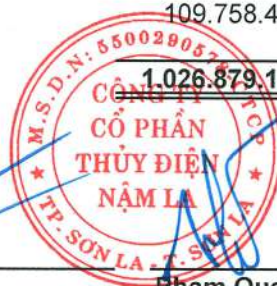
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>539.730.780.680</b>	<b>695.299.858.298</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>213.824.531.586</b>	<b>276.238.103.148</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	4.378.767.692	7.851.494.784
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.824.619.251	3.260.983.691
314	3. Phải trả người lao động		618.582.974	829.218.834
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	10.434.030.275	8.541.037.324
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	83.494.056.811	133.110.690.747
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	105.851.294.842	119.501.449.516
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	1.334.954.636	2.188.703.147
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		888.225.105	954.525.105
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>325.906.249.094</b>	<b>419.061.755.150</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	90.000.000	90.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	325.816.249.094	418.971.755.150
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>487.148.349.719</b>	<b>412.179.371.093</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>487.148.349.719</b>	<b>412.179.371.093</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		315.000.000.000	315.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		315.000.000.000	315.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.269.146.494	6.269.146.494
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.120.778.248	(4.745.879.533)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.997.879.533)	1.498.391.638
421b	LNST chưa phân phối năm nay		61.118.657.781	(6.244.271.171)
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		109.758.424.977	95.656.104.132
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.026.879.130.399</b>	<b>1.107.479.229.391</b>

  
Nguyễn Thị Tám Phương  
Người lập biểu

  
Phạm Duy Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Quang Minh  
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023







## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	
			Năm 2022 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	244.485.466.065	94.103.453.041
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		244.485.466.065	94.103.453.041
11	4. Giá vốn hàng bán	23	108.375.692.539	68.761.721.600
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		136.109.773.526	25.341.731.441
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.964.971.701	772.365.071
22	7. Chi phí tài chính	25	42.947.245.002	26.396.803.404
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		43.007.827.741	25.756.091.446
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		16.296.720	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.701.191.329	5.722.389.577
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.410.012.176	(6.005.096.469)
31	12. Thu nhập khác	27	1.698.433.581	534.699.341
32	13. Chi phí khác	28	66.482.155	146.524.060
40	14. Lợi nhuận khác		1.631.951.426	388.175.281
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		81.041.963.602	(5.616.921.188)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	5.820.984.976	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>75.220.978.626</u>	<u>(5.616.921.188)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		61.118.657.781	(6.244.271.171)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		14.102.320.845	627.349.983
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.940	(198)

  
Nguyễn Thị Tâm Phượng  
Người lập biểu

  
Phạm Duy Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Quang Minh  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>81.041.963.602</b>	<b>(5.607.425.864)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		86.524.896.396	52.103.736.978
03	- Các khoản dự phòng		(733.748.511)	-
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.917.697.476)	(1.084.217.912)
06	- Chi phí lãi vay		43.790.074.713	26.082.027.683
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>208.705.488.724</b>	<b>71.494.120.885</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		7.543.795.807	12.639.485.825
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		1.091.744.220	1.225.038.855
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(53.407.125.651)	(21.078.301.203)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		5.131.491.081	(3.042.885.317)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(41.126.711.657)	(22.892.496.677)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.058.794.859)	(285.970.800)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(66.300.000)	(31.052.060)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>125.813.587.665</b>	<b>38.027.939.508</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.015.859.815)	(4.924.935.345)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		10.500.000	727.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.706.748.549)	(953.103.727)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	33.406.394.258
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(208.512.639.217)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(8.687.108.162)	775.411.724
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(26.399.216.526)</b>	<b>(179.481.599.580)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		59.303.361.643	206.064.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(166.891.269.345)	(51.900.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(107.587.907.702)</b>	<b>154.164.000.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(8.173.536.563)</b>	<b>12.710.339.928</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.694.828.454	2.984.488.526
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		7.521.291.891	15.694.828.454

Nguyễn Thị Tâm Phương  
Người lập biểu

Phạm Duy Hạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Quang Minh  
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500290578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/10/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.000.000.000 đồng, tương đương 31.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 56 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 56 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng.

#### **Cấu trúc Công ty**

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	205A Nguyễn Xi, phường 26, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	52,06%	Đầu tư xây dựng công trình thủy điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## **2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Các tài sản khác	25 năm



## **2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác như chi phí nạo vét lòng hồ, chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

## **2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.15 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## **2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

## 2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí phát hành trái phiếu;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b. Chính sách Ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Thời hạn hiệu lực</u>
Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000040 ngày 14 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Sơn La	Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập thu được từ dự án.	Năm 2022 là năm tài chính thứ 5 của Công ty kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và đang được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập thu được từ dự án.

**2.22 .Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động thủy điện.
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

**2.23 .Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng tại Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.379.962.781	1.430.626.674
Tiền gửi ngân hàng	3.641.329.110	9.264.201.780
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	1.500.000.000	5.000.000.000
	<b>7.521.291.891</b>	<b>15.694.828.454</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành với lãi suất 4,6%/năm.



**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Xem chi tiết Phụ lục 01.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	7.031.844.108	-	8.709.946.068	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	15.623.695.078	-	10.952.023.443	-
- Công ty TNHH Việt Com	-	-	2.446.494.660	-
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	274.513.191	(274.513.191)	274.513.191	(274.513.191)
- Các khách hàng khác	183.426.100	-	44.861.927	-
	<b>23.113.478.477</b>	<b>(274.513.191)</b>	<b>22.427.839.289</b>	<b>(274.513.191)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	14.310.000	-	-	-
- Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam (*)	11.000.000.000	-	-	-
	<b>11.014.310.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>Bên khác</b>				
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	120.000.000	(120.000.000)	120.000.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109.508.815	(109.508.815)	109.508.815	(109.508.815)
- Công ty CP Thiết bị và XD Trảng An	185.210.341	(185.210.341)	185.210.341	(185.210.341)
- Trung tâm thông tin - kinh tế Tài nguyên nước	-	-	120.000.000	-
- Viện Địa chất và Môi trường	222.000.000	-	111.000.000	-
- Cty Luật TNHH Tư Pháp Sài Gòn	200.000.000	-	-	-

(\*) Tạm ứng theo Hợp đồng thi công hạng mục "Cải tạo nâng cấp Khu vực cửa nhận nước, đường vận hành Nhà máy Nậm La".

**6 .TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác (tiếp theo)</b>				
- Chi nhánh TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm điện Miền Nam	220.940.445	-	-	-
- Các đối tượng khác	794.104.860	(4.788.000)	231.525.000	(4.788.000)
	<b>1.851.764.461</b>	<b>(419.507.156)</b>	<b>877.244.156</b>	<b>(299.507.156)</b>
	<b>12.866.074.461</b>	<b>(419.507.156)</b>	<b>877.244.156</b>	<b>(299.507.156)</b>

**7 .PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Xem chi tiết Phụ lục 02.

**8 .PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
<b>Chi tiết theo nội dung</b>				
- Tạm ứng	7.065.751.001	-	1.034.270.000	-
+ Ông Phạm Quý Đô <sup>(1)</sup>	1.882.800.000	-	406.700.000	-
+ Ông Trần Trung Thiện <sup>(1)</sup>	4.643.874.000	-	43.000.000	-
+ Các đối tượng khác	539.077.001	-	584.570.000	-
- Phải thu tiền chi hộ	211.996.921	-	10.621.186.570	-
+ Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà <sup>(2)</sup>	211.996.921	-	10.621.186.570	-
- Phải thu lãi cho vay	97.345.205	-	-	-
- Thủ lao HĐQT, BKS	336.000.000	-	252.000.000	-
- Tạm ứng nhân viên đã nghỉ việc	159.997.951	(159.997.951)	159.997.951	(159.997.951)
- Kinh phí công đoàn	630.000	-	-	-
- Phụ cấp thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát <sup>(3)</sup>	557.200.000	-	220.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	26.043.668	-	35.651.930	-
	<b>8.454.964.746</b>	<b>(159.997.951)</b>	<b>12.323.106.451</b>	<b>(159.997.951)</b>

**8 .PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

(1) Tạm ứng cho nhân viên công ty để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ thực hiện hợp đồng "Cải tạo nâng cấp Khu vực cửa nhận nước, đường vận hành Nhà máy Nậm La".

(2) Là khoản phải thu tiền điện Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La chi hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà khi sử dụng chung hệ thống điện tại Nhà máy Thủy điện Tát Ngoẵng. Trong năm 2022, toàn bộ số dư đầu năm khoản phải thu này đã chuyển sang khoản cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 02-2021/TĐNL-XLSD.

(3) Các khoản tạm ứng thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2021 và 2022 đang chờ quyết toán.

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>b. Dài hạn</b>		
- Đặt cọc thuê văn phòng dài hạn	24.600.000	24.600.000
	<b>24.600.000</b>	<b>24.600.000</b>

**9 .NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có	Giá gốc	Giá trị có
	VND	thể thu hồi	VND	thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu khách hàng</b>	<b>274.513.191</b>	-	<b>274.513.191</b>	-
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	274.513.191	-	274.513.191	-
<b>b. Trả trước cho người bán</b>	<b>419.507.156</b>	-	<b>419.507.156</b>	<b>120.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Trảng An	185.210.341	-	185.210.341	-
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109.508.815	-	109.508.815	-
- UBND xã Mường La	4.788.000	-	4.788.000	-
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	120.000.000	-	120.000.000	120.000.000
<b>c. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>159.997.951</b>	-	<b>159.997.951</b>	-
- Phải thu đối tượng các nhân viên nghỉ việc	159.997.951	-	159.997.951	-
	<b>854.018.298</b>	-	<b>854.018.298</b>	<b>120.000.000</b>



**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.140.793.389	-	1.086.450.132	-
- Công cụ, dụng cụ	580.224.596	-	534.937.327	-
- Hàng hóa	29.320.000	(8.796.000)	1.220.694.746	(8.796.000)
	<b>1.750.337.985</b>	<b>(8.796.000)</b>	<b>2.842.082.205</b>	<b>(8.796.000)</b>

- Giá trị hàng tồn kho đã lỗi thời là hàng điện lạnh đang chờ thanh lý: 29.320.000 VND.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 03.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	28.634.601	18.842.254
- Chương trình vận hành hồ chứa	-	284.999.999
- Bảo hiểm nhà máy	268.753.250	249.341.626
- Thiết bị và phần mềm quan trắc	172.414.528	-
- Cước dịch vụ thuê kênh truyền dữ liệu	134.224.999	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	348.713.822	-
- Chi phí khác	66.116.667	-
	<b>1.018.857.867</b>	<b>553.183.879</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.226.603.806	2.232.607.472
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.769.610.983	4.153.864.874
- Chi phí nạo vét lòng hồ	4.856.017.916	7.852.899.128
- Chi phí trả trước dài hạn khác	192.524.750	402.551.050
	<b>9.044.757.455</b>	<b>14.641.922.524</b>

**13 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn VND
<b>Nguyên giá</b>	
- Số dư đầu năm	107.670.707.019
- Số dư cuối năm	<b>107.670.707.019</b>

**13 .LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)**

**Số phân bổ lũy kế**

- Số dư đầu năm	897.255.892
- Số phân bổ trong năm	10.767.070.702
- Số dư cuối năm	<b>11.664.326.594</b>

**Giá trị còn lại**

- Số dư đầu năm	106.773.451.127
- Số dư cuối năm	<b>96.006.380.425</b>

Tại ngày 20/12/2021, Công ty đã mua 52,06% cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300542187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 24 tháng 03 năm 2021. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn là xây dựng thủy điện, sản xuất kinh doanh điện năng, kinh doanh thương mại. Giá phí khoản đầu tư là 210.866.304.454 VND, tổng tài sản thuần của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn 198.224.351.584 VND, lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm Công ty đạt quyền kiểm soát là 107.670.707.019 VND.

**14 .VAY**

Xem chi tiết Phụ lục 04.

**15 .PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên liên quan</b>				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	-	-	605.000.000	605.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	500.000.000	500.000.000	92.125.000	92.125.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	90.720.000	90.720.000	-	-
	<b>590.720.000</b>	<b>590.720.000</b>	<b>697.125.000</b>	<b>697.125.000</b>
<b>Bên khác</b>				
- Electric City Technology Corp	-	-	2.784.827.863	2.784.827.863
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ Hoàng	-	-	300.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Lâm	694.051.434	694.051.434	694.051.434	694.051.434

**15 .PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển chiến lược năng lượng	485.179.367	485.179.367	485.179.367	485.179.367
- Công ty TNHH Tư vấn KT Việt Nam - Canada	409.313.383	409.313.383	409.313.383	409.313.383
- Công ty TNHH TM và CN Tàu thủy Hải Long	385.500.000	385.500.000	385.500.000	385.500.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà	306.923.862	306.923.862	306.923.862	306.923.862
Công ty CP Xây dựng - Tư vấn Thiết kế M&T	159.898.243	159.898.243	159.898.243	159.898.243
- Công ty Cổ phần Tư vấn CODESU	298.657.049	298.657.049	298.657.049	298.657.049
- Phải trả các đối tượng khác	1.048.524.354	-	1.330.018.583	-
	<b>3.788.047.692</b>	<b>2.739.523.338</b>	<b>7.154.369.784</b>	<b>5.824.351.201</b>
	<b>4.378.767.692</b>	<b>3.330.243.338</b>	<b>7.851.494.784</b>	<b>6.521.476.201</b>

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 05.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Chi phí lãi vay	9.775.477.047	7.894.360.963
- Chi phí phải trả khác	658.553.228	646.676.361
	<b>10.434.030.275</b>	<b>8.541.037.324</b>
<b>Trong đó: Bên liên quan</b>		
- Ông Vũ Ngọc Tú	-	3.966.667
	-	<b>3.966.667</b>



**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	61.398.606	107.389.625
- Bảo hiểm y tế	-	527.309
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	81.931.806.000	81.946.531.000
+ Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	67.740.088.000	67.740.088.000
+ Cổ đông khác	14.191.718.000	14.206.443.000
- Phí dịch vụ môi trường rừng phải trả Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	1.500.852.205	1.012.490.810
- Khoản tiền phải nộp lại Ngân sách Nhà nước (*)	-	50.000.000.000
- Phải trả khác	-	43.752.003
	<b>83.494.056.811</b>	<b>133.110.690.747</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	90.000.000
	<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
<b>c. Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	67.740.088.000	67.740.088.000
	<b>67.740.088.000</b>	<b>67.740.088.000</b>

(\*) Theo Bản án số 400/2020/HS-ST ngày 20/09/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định thi hành án số 2483/QĐ-CTHADS ngày 13/07/2022 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh có liên quan đến phiên tòa xét xử dự án Nguyễn Thành Tài và đồng phạm bị truy tố về tội "vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí", Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn đã được triệu tập tham gia phiên tòa với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vụ án này liên quan đến Dự án đầu tư tại khu đất 8 - 12 Lê Duẩn mà Công ty tham gia vào năm 2010 và sau đó đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Lavennue cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô hưởng lợi 50 tỷ VND. Theo bản án, Công ty phải nộp lại số tiền 50 tỷ VND thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần, để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Trong năm, Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ đối với Quyết định thi hành án nói trên.

**19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự phòng phải trả khác	1.334.954.636	2.188.703.147
	<b>1.334.954.636</b>	<b>2.188.703.147</b>

Tại ngày 31/12/2022, dự phòng phải trả là khoản chi phí lãi chậm trả liên quan đến khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (Thuyết minh 14) theo Thông báo số 000002/2023/TB-AMC ngày 06/01/2023.

## 20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 06

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Thành	8.000.000.000	2,54	8.000.000.000	2,54
- Ông Lê Quốc Hương	36.089.000.000	11,46	36.089.000.000	11,46
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	260.708.800.000	82,76	260.708.800.000	82,76
- Các cổ đông khác	10.202.200.000	3,24	10.202.200.000	3,24
	<b>315.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	315.000.000.000	315.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	315.000.000.000	315.000.000.000

### d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	31.500.000	31.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.500.000	31.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.500.000	31.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.500.000	31.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

### e. Các quỹ của công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.269.146.494	6.269.146.494

## 21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### a. Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo Hợp đồng thuê kho bãi với Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Đầu tư Sài Gòn tại số 230A Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh. Tổng diện tích cho thuê bao gồm văn phòng, công trình phụ và bãi giữ xe là 1.540m<sup>2</sup>, đơn giá thuê là 99.000.000 VND/tháng (đã bao gồm 10% VAT). Hợp đồng tự động gia hạn thời gian thuê cho đến khi hai bên thống nhất dừng thuê. Vị trí này được thuê lại từ UBND TP Hồ Chí Minh theo thuyết minh bên dưới và không có tài sản gắn liền với đất.

**21 .CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**b. Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê văn phòng và thuê đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, cụ thể:

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích m <sup>2</sup>	Đơn giá thuê VND/tháng	Thời gian thuê
Tầng 3, tòa nhà Văn phòng Thủy Lợi 4, số 205a Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	Sử dụng làm văn phòng làm việc	41,00	12.300.000	1 năm, tự động gia hạn
Số 230A Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	Cho thuê kho thiết bị tại khu đất	23.387,20	258.194.688	Từ 01/01/1996 đến 01/01/2046
Xã Bù Gia Mập, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước (*)	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Đắk Glun	570.675,00	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 09/09/2009 đến 09/09/2059
Xã Đắk Nhum, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		325.064,00		
Xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (*)	Xây dựng đường dây đầu nối từ Nhà máy Thủy điện Đắk Glun vào lưới điện quốc gia	125.066,00	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 18/11/2010 đến 09/09/2059
Xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (*)		55.620,00		
Bản Hua Bó, Nang Phai, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Nậm La	221.469,30	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 10/10/2009 đến 14/12/2057
Bản Phiêng Hay, Bản Ái, Bản Lả Mường, bản Săng xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La		233.363,00		Từ 25/04/2015 đến 14/12/2057
Bản Săng, bản Phiêng Hay, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La		30.347,50		Từ 27/02/2020 đến 14/12/2057
Bản Tắt Ngoẵng, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng	168.548,10	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 06/12/2021 đến 20/07/2044

(\*) Các khu đất được miễn tiền thuê đất đến 09/2020 nhưng hiện tại vẫn chưa có thông báo nộp tiền thuê đất do Cục thuế địa phương đang chờ văn bản từ Sở Tài chính để xác định đơn giá thuê đất.

**c. Ngoại tệ các loại**

	Ký hiệu	31/12/2022	01/01/2022
- Đô la Mỹ	USD	66,22	66,22



**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán điện	239.052.655.103	94.103.453.041
Doanh thu bán hàng hóa	506.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.926.810.962	-
	<b>244.485.466.065</b>	<b>94.103.453.041</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán điện	104.611.703.304	68.761.721.600
Giá vốn hàng hóa đã bán	475.440.000	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.288.549.235	-
	<b>108.375.692.539</b>	<b>68.761.721.600</b>

**Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35 )

	<b>1.071.444.444</b>	-
--	----------------------	---

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.934.078.408	772.365.071
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	30.893.293	-
	<b>1.964.971.701</b>	<b>772.365.071</b>

**Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35 )

	-	-
--	---	---

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	43.007.827.741	25.756.091.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.918.800	-
Chi phí phát hành trái phiếu	782.246.972	325.936.237
Hoàn nhập chi phí (Thuyết minh 19) (*)	(853.748.511)	-
Chi phí khác	-	314.775.721
	<b>42.947.245.002</b>	<b>26.396.803.404</b>

**Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35 )

	<b>24.657.534</b>	<b>47.905.890</b>
--	-------------------	-------------------

(\*) Hoàn nhập khoản chi phí lãi chậm nộp liên quan đến khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (Thuyết minh 14) theo Thông báo số 000002/2023/TB-AMC ngày 06/01/2023

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.315.100	-
Chi phí nhân công	2.413.354.920	2.617.953.851
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	66.325.418	367.317.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.683.881	-
Thuế, phí, và lệ phí	137.587.245	157.075.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718.921.774	41.753.105
Phân bổ lợi thế thương mại	10.767.070.702	897.255.892
Chi phí khác bằng tiền	1.585.932.289	1.641.033.613
	<b>15.701.191.329</b>	<b>5.722.389.577</b>
<b>Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>	<b>194.444.444</b>	-

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	434.393.730
Thu nhập từ bán chứng chỉ năng lượng quốc tế IREC	458.599.151	-
Thu nhập khác (*)	1.239.834.430	100.305.611
	<b>1.698.433.581</b>	<b>534.699.341</b>

(\*) Thu nhập khác trong năm 2022 là khoản thu nhập từ việc giảm nợ gốc vay phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành căn cứ theo bản án số 969/2022/KDTM-ST của Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh ngày 29/11/2022. Tổng số gốc vay được giảm là 1.239.834.429 VND.

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	16.380.932	125.587.542
Các khoản bị phạt	35.690.864	8.209.245
Chi phí khác	14.410.359	12.727.273
	<b>66.482.155</b>	<b>146.524.060</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	2.662.803.395	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	3.158.181.581	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	3.158.181.581	-
<b>Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.820.984.976</b>	-

### 30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	61.118.657.781	(6.244.271.171)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	61.118.657.781	(6.244.271.171)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.500.000	31.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.940</b>	<b>(198)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.411.463.543	505.955.874
Chi phí nhân công	12.282.921.534	10.140.709.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	75.757.825.694	51.215.976.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.418.117.668	545.812.013
Lợi thế thương mại phân bổ	10.767.070.702	887.760.568
Chi phí khác bằng tiền	15.964.044.727	11.178.401.897
	<b>123.601.443.868</b>	<b>74.474.615.853</b>

### 32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

#### **Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



**32 .CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Trên 1 năm đến 5 năm VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	
Đầu tư dài hạn	732.000.000
	<b>732.000.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	
Đầu tư dài hạn	732.000.000
	<b>732.000.000</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.521.291.891	-	7.521.291.891
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.568.443.223	24.600.000	31.593.043.223
Các khoản cho vay	19.676.045.757	4.300.000.000	23.976.045.757
	<b>58.765.780.871</b>	<b>4.324.600.000</b>	<b>63.090.380.871</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.694.828.454	-	15.694.828.454
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.750.945.740	24.600.000	34.775.545.740
Các khoản cho vay	7.269.297.208	-	7.269.297.208
	<b>57.715.071.402</b>	<b>24.600.000</b>	<b>57.739.671.402</b>

**32 .CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>			
Vay và nợ	105.851.294.842	325.816.249.094	431.667.543.936
Phải trả người bán, phải trả khác	87.872.824.503	90.000.000	87.962.824.503
Chi phí phải trả	10.434.030.275	-	10.434.030.275
	<b>204.158.149.620</b>	<b>325.906.249.094</b>	<b>530.064.398.714</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>			
Vay và nợ	119.501.449.516	418.971.755.150	538.473.204.666
Phải trả người bán, phải trả khác	140.962.185.531	90.000.000	141.052.185.531
Chi phí phải trả	8.541.037.324	-	8.541.037.324
	<b>269.004.672.371</b>	<b>419.061.755.150</b>	<b>688.066.427.521</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 .NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**34 .BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động Dịch vụ khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	239.052.655.103	506.000.000	4.926.810.962	244.485.466.065
Giá vốn hàng bán	104.611.703.304	475.440.000	3.288.549.235	108.375.692.539
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<b>134.440.951.799</b>	<b>30.560.000</b>	<b>1.638.261.727</b>	<b>136.109.773.526</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	36.170.909	-	-	36.170.909
Tài sản bộ phận	1.017.007.496.967	880.251.677	8.955.210.846	1.026.842.959.490
Tài sản không phân bổ				96.738.380.425
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.017.043.667.876</b>	<b>880.251.677</b>	<b>8.955.210.846</b>	<b>1.026.879.130.399</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	539.599.571.988	131.208.692	-	539.730.780.680
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>539.599.571.988</b>	<b>131.208.692</b>	<b>-</b>	<b>539.730.780.680</b>

**35 .NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		
- Ông Vũ Ngọc Tú	60.000.000	75.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	48.000.000	-
- Ông Nguyễn Tiến Khanh	48.000.000	243.893.583
- Ông Thiều Quang Quyển	48.000.000	63.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	48.000.000	63.000.000
- Bà Đinh Thị Hạnh	36.000.000	42.900.000
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	24.000.000	33.000.000
- Ông Nguyễn Văn Bình	24.000.000	33.000.000
- Ông Phạm Quang Minh	60.000.000	-

**36 .SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

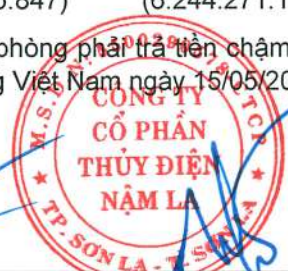
Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	
<b>a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>					
- Lợi thế thương mại	269	105.643.507.593	106.773.451.127	1.129.943.534	(*)
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	2.188.703.147	2.188.703.147	(*)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(4.736.384.209)	(4.745.879.533)	(9.495.324)	(*)
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	96.705.368.421	95.656.104.132	(1.049.264.289)	(*)
<b>b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>					
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.712.894.253	5.722.389.577	9.495.324	(*)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(5.607.425.864)	(5.616.921.188)	(9.495.324)	(*)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(6.234.775.847)	(6.244.271.171)	(9.495.324)	(*)

(\*) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố trích lập dự phòng phải trả tiền chậm lãi nộp theo thông báo số 0454/02-2020/GM của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ngày 15/05/2020

  
Nguyễn Thị Tám Phương  
Người lập biểu

  
Phạm Duy Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Quang Minh  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>						
<b>Bên liên quan</b>						
- Ông Vũ Ngọc Tú	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà <sup>(1)</sup>	7.269.297.208	-	12.406.748.549	-	19.676.045.757	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	-	-	500.000.000	500.000.000	-	-
	<b>7.269.297.208</b>	-	<b>17.406.748.549</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>19.676.045.757</b>	-
<b>b. Dài hạn</b>						
<b>Bên liên quan</b>						
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP <sup>(2)</sup>	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh <sup>(3)</sup>	-	-	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
	-	-	<b>4.300.000.000</b>	-	<b>4.300.000.000</b>	-

**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:**

STT	Hợp đồng vay	Loại tiền	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
(1)	Hợp đồng số 01-2020/TPNL-XLSĐ ngày 20/01/2020 và các phụ lục hợp đồng	VND	Bổ sung vốn lưu động	9,6%/năm	12 tháng	Tin chấp	8.021.063.694	7.269.297.208
	Hợp đồng số 02-2021/TPNL-XLSĐ ngày 31/12/2021 và các phụ lục hợp đồng	VND	Bổ sung vốn lưu động	9,6%/năm	12 tháng	Tin chấp	11.654.982.063	-



**Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau (tiếp theo):**

STT	Hợp đồng vay	Loại tiền	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022	01/01/2022
(2)	Hợp đồng số 14/2022/HĐTĐ-VCP ngày 25/04/2022	VND	Bổ sung vốn lưu động	9,0%/năm	12 tháng	Tin chấp	VND 1.500.000.000	VND -
(3)	Hợp đồng số 74/2022/HĐTĐ-VCP ngày 22/12/2022	VND	Bổ sung vốn lưu động	11,6%/năm	Từ ngày 22/12/2022 đến 23/12/2023	Tin chấp	1.000.000.000	-
	Hợp đồng số 39/2022/HĐTĐ-NLA-XM	VND	Bổ sung vốn lưu động	9,0%/năm	Từ ngày 29/12/2022 đến 30/12/2023	Tin chấp	1.800.000.000	-
							<b>23.976.045.757</b>	<b>7.269.297.208</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	826.502.136.227	464.667.203.728	124.749.190.774	101.749.739	86.632.821.507	1.502.653.101.975
- Mua trong năm	-	36.170.909	979.688.906	-	-	1.015.859.815
- Thanh lý, nhượng bán	(428.566.113)	-	(61.222.727)	-	-	(489.788.840)
Phân loại lại	(143.424.057.573)	134.184.812.234	9.239.245.339	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>826.073.570.114</b>	<b>464.703.374.637</b>	<b>125.667.656.953</b>	<b>101.749.739</b>	<b>86.632.821.507</b>	<b>1.503.179.172.950</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	281.780.730.648	211.065.157.812	62.278.403.401	71.648.828	29.455.159.242	584.651.099.931
- Khấu hao trong năm	30.414.689.818	32.903.122.931	8.968.011.005	6.689.088	3.465.312.852	75.757.825.694
- Thanh lý, nhượng bán	(428.566.113)	-	(34.341.795)	-	-	(462.907.908)
Phân loại lại	(38.729.669.553)	64.158.257.434	(25.428.587.881)	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>273.037.184.800</b>	<b>308.126.538.177</b>	<b>45.783.484.730</b>	<b>78.337.916</b>	<b>32.920.472.094</b>	<b>659.946.017.717</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	544.721.405.579	253.602.045.916	62.470.787.373	30.100.911	57.177.662.265	918.002.002.044
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>553.036.385.314</b>	<b>156.576.836.460</b>	<b>79.884.172.223</b>	<b>23.411.823</b>	<b>53.712.349.413</b>	<b>843.233.155.233</b>

- Các TSCĐ hữu hình của Công ty là tài sản tại Nhà máy Thủy điện Đak Giun, Nhà máy Thủy điện Nậm La và Nhà máy Thủy điện Tát Ngoẵng. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày cuối năm là 738.900.954.219 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.980.857.859 VND.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Phụ lục 04 : VAY**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Táng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Chi nhánh Hà Thành <sup>(1)</sup>	2.416.714.600	2.416.714.600	-	1.439.834.429	976.880.171	976.880.171
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP <sup>(2)</sup>	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-
- Vay cá nhân <sup>(3)</sup>	18.604.734.916	18.604.734.916	6.303.361.643	10.751.434.916	14.156.661.643	14.156.661.643
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	97.480.000.000	97.480.000.000	90.717.753.028	97.480.000.000	90.717.753.028	90.717.753.028
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Bình Phước <sup>(4)</sup>	50.100.000.000	50.100.000.000	54.000.000.000	50.100.000.000	54.000.000.000	54.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành <sup>(5)</sup>	43.780.000.000	43.780.000.000	32.700.000.000	43.780.000.000	32.700.000.000	32.700.000.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	3.600.000.000	3.600.000.000	4.800.000.000	3.600.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
Trái phiếu phát hành (e)						
- Góc trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phát hành giảm trừ vào góc trái phiếu	-	-	(782.246.972)	-	(782.246.972)	(782.246.972)
	<b>119.501.449.516</b>	<b>119.501.449.516</b>	<b>97.021.114.671</b>	<b>110.671.269.345</b>	<b>105.851.294.842</b>	<b>105.851.294.842</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Phụ lục 04 : VAY (tiếp theo)**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>b. Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Bình Phước <sup>(4)</sup>	380.372.559.822	380.372.559.822	53.000.000.000	153.700.000.000	279.672.559.822	279.672.559.822
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Bình Phước <sup>(4)</sup>	133.600.000.000	133.600.000.000	-	50.100.000.000	83.500.000.000	83.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành <sup>(5)</sup>	186.708.559.822	186.708.559.822	-	55.000.000.000	131.708.559.822	131.708.559.822
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La <sup>(6)</sup>	18.064.000.000	18.064.000.000	-	3.600.000.000	14.464.000.000	14.464.000.000
- Ông Vũ Ngọc Tú <sup>(7)</sup>	42.000.000.000	42.000.000.000	3.000.000.000	45.000.000.000	-	-
- Bà Trần Thị Tuế <sup>(8)</sup>	-	-	44.000.000.000	-	44.000.000.000	44.000.000.000
- Ông Nguyễn Phúc Linh <sup>(9)</sup>	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Trái phiếu phát hành (e)	136.079.195.328	136.079.195.328	-	(782.246.972)	136.861.442.300	136.861.442.300
- Gốc trái phiếu	138.100.000.000	138.100.000.000	-	-	138.100.000.000	138.100.000.000
- Chi phí phát hành giảm trừ vào gốc trái phiếu	(2.020.804.672)	(2.020.804.672)	-	(782.246.972)	(1.238.557.700)	(1.238.557.700)
	<b>516.451.755.150</b>	<b>516.451.755.150</b>	<b>53.000.000.000</b>	<b>152.917.753.028</b>	<b>416.534.002.122</b>	<b>416.534.002.122</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(97.480.000.000)	(97.480.000.000)	(90.717.753.028)	(97.480.000.000)	(90.717.753.028)	(90.717.753.028)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>418.971.755.150</b>	<b>418.971.755.150</b>			<b>325.816.249.094</b>	<b>325.816.249.094</b>

**c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Đối tượng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
(1)	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản thế chấp của bên thứ 3
(2)	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	12 tháng	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
(3)	Vay cá nhân	03 - 12 tháng	9% - 10%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp



**Phụ lục 04 : VAY (tiếp theo)**

**d. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

STT	Đối tượng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
(4)	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Bình Phước	180 tháng	6,9 - 9,6%/năm	Đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Đăkglun	Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy thủy điện Đăkglun
(5)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành	120 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thanh toán tài cấu trúc dự nợ các khoản vay theo các hợp đồng trung dài hạn số 1612-ĐĐ-CG/HBTD-LienVietPostBank ngày 17/06/2012 và 1712-ĐĐ-CG/HBTD-LienVietPostBank ngày 17/06/2012 ký giữa Bên vay và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Đông Đô; là các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán đối với Dự án	Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản thuộc Dự án thủy điện Nậm La, quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 43/EVNNPC-B9 ngày 30/07/2010 ký giữa Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và các biện pháp đảm bảo khác theo yêu cầu của bên cho vay
(6)	Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	180 tháng	9,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản đảm bảo là toàn bộ Tài sản hình thành sau đầu tư dự án và các tài sản có thể hình thành trong tương lai.
(7)	Ông Vũ Ngọc Tú	36 tháng	0,2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(8)	Bà Trần Thị Tuế	36 tháng	20%/năm	Thi hành án theo phán quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP Hồ Chí Minh và Cục thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh (Thuyết minh 19)	Tín chấp
(9)	Ông Nguyễn Phúc Linh	36 tháng	14%/năm		Tín chấp

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Phụ lục 04 : VAY (tiếp theo)****e. Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường:**

Trái phiếu : Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La  
 Loại trái phiếu: Trái phiếu phát hành theo mệnh giá.  
 Thời hạn trái phiếu là 03 năm; Lãi suất cố định 10,2%/năm cho 4 kỳ thanh toán đầu tiên; Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sau 04 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 4%/năm. Lãi được trả định kỳ 06 tháng/lần.  
 Tổng giá trị đã phát hành: Khối lượng đã phát hành là 1.381 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có đảm bảo bằng tài sản. Mệnh giá trái phiếu 100.000.000 VND/trái phiếu.

Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động, thanh toán cho các giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.  
 Hình thức bảo đảm: Toàn bộ nhà máy trạm phân phối Nhà máy Thủy điện Nậm La, toàn bộ công trình tuyến năng lượng đập đầu mối thuộc nhà máy thủy điện Nậm La, toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ hoạt động nhà máy Thủy điện Nậm La.

Số dư tại ngày 01/01/2022: 138.100.000.000 VND

Số dư tại ngày 31/12/2022: 138.100.000.000 VND

Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng vốn đúng mục đích phát hành trái phiếu

Bên liên quan nắm giữ trái phiếu: Không có

**f. Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan**

Mối quan hệ	31/12/2022		01/01/2022	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Chủ tịch HĐQT	-	50.505.556	42.000.000.000	3.966.667
Cùng Công ty mẹ	-	-	1.000.000.000	-
		<b>50.505.556</b>	<b>43.000.000.000</b>	<b>3.966.667</b>

**Vay**

- Ông Vũ Ngọc Tú

- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Phụ lục 05 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	1.249.505.530	12.396.694.460	12.559.432.463	-	1.086.767.527
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	79.548.927	-	5.820.984.976	2.058.794.859	-	3.682.641.190
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	9.853.170	932.364.643	918.509.553	-	23.708.260
- Thuế Tài nguyên (*)	-	1.490.914.853	20.406.325.817	20.959.561.846	-	937.678.824
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	400	510.710.138	6.648.950.556	6.065.837.244	400	1.093.823.450
	<b>79.549.327</b>	<b>3.260.983.691</b>	<b>46.208.320.452</b>	<b>42.565.135.965</b>	<b>400</b>	<b>6.824.619.251</b>

(\*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Phụ lục 06 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>6.269.146.494</b>	<b>17.279.443.698</b>	-	<b>338.548.590.192</b>
Lỗ trong năm trước	-	-	(6.244.271.171)	627.349.983	(5.616.921.188)
Tặng do hợp nhất	-	-	-	95.028.754.149	95.028.754.149
Phân phối lợi nhuận	-	-	(15.750.000.000)	-	(15.750.000.000)
Giảm khác	-	-	(31.052.060)	-	(31.052.060)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>6.269.146.494</b>	<b>(4.745.879.533)</b>	<b>95.656.104.132</b>	<b>412.179.371.093</b>
Lãi trong năm nay	-	-	61.118.657.781	14.102.320.845	75.220.978.626
Thù lao HĐQT và BKS (*)	-	-	(252.000.000)	-	(252.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>6.269.146.494</b>	<b>56.120.778.248</b>	<b>109.758.424.977</b>	<b>487.148.349.719</b>

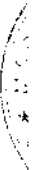
(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2022.



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500290578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/10/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Khanh	Phó Chủ tịch
Ông Thiệu Quang Quyến	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

---

- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

**Phạm Quang Minh**

Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được lập ngày 23 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 18 tháng 02 năm 2022.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Mạnh Cường**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**Hoàng Đức Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4876-2019-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>59.507.703.430</b>	<b>50.004.769.156</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.274.702.732	13.341.163.217
111	1. Tiền		2.774.702.732	8.341.163.217
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.500.000.000	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		54.731.504.490	30.298.154.151
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	15.898.208.269	11.226.536.634
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.223.134.016	633.232.156
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	19.676.045.757	7.269.297.208
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	7.788.134.746	11.903.106.451
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(854.018.298)	(734.018.298)
140	IV. Hàng tồn kho	10	20.761.782	53.820.513
141	1. Hàng tồn kho		20.761.782	53.820.513
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		480.734.426	6.311.631.275
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	469.094.916	249.341.626
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	5.980.937.025
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	11.639.510	81.352.624
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>693.601.393.482</b>	<b>744.112.336.657</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	4.300.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		471.733.729.048	521.882.431.367
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	471.733.729.048	521.882.431.367
222	- Nguyên giá		906.020.306.318	905.530.406.252
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(434.286.577.270)	(383.647.974.885)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	211.598.304.454	211.598.304.454
251	1. Đầu tư vào công ty con		210.866.304.454	210.866.304.454
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		732.000.000	732.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.969.359.980	10.631.600.836
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.969.359.980	10.631.600.836
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>753.109.096.912</b>	<b>794.117.105.813</b>




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>380.050.395.500</b>	<b>477.377.847.877</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>133.734.146.406</b>	<b>141.906.092.727</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.785.591.402	3.541.699.298
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.271.548.456	837.593.475
314	3. Phải trả người lao động		201.038.383	173.704.834
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.761.886.947	7.915.523.602
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	81.993.204.606	82.054.447.934
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	36.717.753.028	47.380.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.123.584	3.123.584
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>246.316.249.094</b>	<b>335.471.755.150</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	246.316.249.094	335.471.755.150
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>373.058.701.412</b>	<b>316.739.257.936</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>373.058.701.412</b>	<b>316.739.257.936</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		315.000.000.000	315.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		315.000.000.000	315.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.269.146.494	6.269.146.494
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		51.789.554.918	(4.529.888.558)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.781.888.558)	1.498.391.638
421b	LNST chưa phân phối năm nay		56.571.443.476	(6.028.280.196)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>753.109.096.912</b>	<b>794.117.105.813</b>

  
Nguyễn Thị Tâm Phương  
Người lập biểu

  
Phạm Duy Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Quang Minh  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023






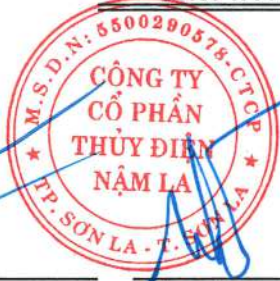
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	159.719.115.098	91.532.342.373
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.719.115.098	91.532.342.373
11	4. Giá vốn hàng bán	21	69.349.958.494	67.499.225.832
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.369.156.604	24.033.116.541
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.930.413.635	772.365.071
22	7. Chi phí tài chính	23	30.619.540.945	26.396.803.404
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		29.837.293.973	25.756.091.446
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.837.899.419	4.825.133.685
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		58.842.129.875	(6.416.455.477)
31	12. Thu nhập khác	25	458.599.151	534.699.341
32	13. Chi phí khác	26	66.482.155	146.524.060
40	14. Lợi nhuận khác		392.116.996	388.175.281
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		59.234.246.871	(6.028.280.196)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	2.662.803.395	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>56.571.443.476</u>	<u>(6.028.280.196)</u>

  
Nguyễn Thị Tám Phương  
Người lập biểu

  
Phạm Duy Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Quang Minh  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>59.234.246.871</b>	<b>(6.028.280.196)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		51.101.510.293	51.215.976.410
03	- Các khoản dự phòng		120.000.000	-
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.914.032.703)	(1.084.217.912)
06	- Chi phí lãi vay		30.619.540.945	26.082.027.683
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>139.161.265.406</b>	<b>70.185.505.985</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(16.951.180.742)	15.210.596.493
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		33.058.731	(37.456.913)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		2.131.193.363	(21.078.301.203)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		4.442.487.566	(3.042.885.317)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(30.002.807.495)	(22.892.496.677)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.058.794.859)	(285.970.800)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(31.052.060)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>96.755.221.970</b>	<b>38.027.939.508</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(979.688.906)	(4.924.935.345)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		10.500.000	727.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.300.000.000)	(953.103.727)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	33.406.394.258
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(210.866.304.454)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		47.506.451	775.411.724
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.221.682.455)</b>	<b>(181.835.264.817)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.000.000.000	206.064.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(103.600.000.000)	(51.900.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(100.600.000.000)</b>	<b>154.164.000.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(9.066.460.485)</b>	<b>10.356.674.691</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>13.341.163.217</b>	<b>2.984.488.526</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>4.274.702.732</b>	<b>13.341.163.217</b>

Nguyễn Thị Tám Phương  
Người lập biểu

Phạm Duy Hạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Quang Minh  
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500290578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/10/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.000.000.000 VND, tương đương 31.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 36 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 36 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Tại 31/12/2022, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 74.226.442.976 VND trong đó có 36.717.753.028 VND là nợ dài hạn đến hạn trả (tương ứng tại ngày 01/01/2022 số nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 91.901.323.571 VND, trong đó có 47.380.000.000 VND là nợ dài hạn đến hạn trả) cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, qua đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế cũng như các phân tích dòng tiền hoạt động của Công ty trong thời gian tới, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mua bán điện, đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn phải trả và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính này được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục.

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## **2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## **2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 17 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 16 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 16 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

## **2.9 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác như chi phí nạo vét lòng hồ, chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

#### **2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### **2.12 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### **2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền lương thường tháng 13 được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

#### **2.16 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí phát hành trái phiếu;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b. Chính sách Ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

<b>Văn bản</b>	<b>Tóm tắt các ưu đãi thuế</b>	<b>Thời hạn hiệu lực</b>
Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000040 ngày 14 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Sơn La	Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập thu được từ dự án. Năm 2022 là năm tài chính thứ 5 của Công ty kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và đang được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập thu được từ dự án.	Đến hết năm 2045

### c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động thủy điện;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

## 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.21 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng tại Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	226.352.424	16.600.233
Tiền gửi ngân hàng	2.548.350.308	8.324.562.984
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	5.000.000.000
	<b>4.274.702.732</b>	<b>13.341.163.217</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành với lãi suất 4,6%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

## 5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	15.623.695.078	-	10.952.023.443	-
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	274.513.191	(274.513.191)	274.513.191	(274.513.191)
	<b>15.898.208.269</b>	<b>(274.513.191)</b>	<b>11.226.536.634</b>	<b>(274.513.191)</b>

## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	14.310.000	-	-	-
- Công ty TNHH Công Nghệ CRE Việt Nam (*)	11.000.000.000	-	-	-
	<b>11.014.310.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (Tiếp theo)



	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	120.000.000	(120.000.000)	120.000.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109.508.815	(109.508.815)	109.508.815	(109.508.815)
- Công ty CP Thiết bị và XD Trảng An	185.210.341	(185.210.341)	185.210.341	(185.210.341)
- Trung tâm thông tin - kinh tế Tài nguyên nước	-	-	120.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	794.104.860	(4.788.000)	98.513.000	(4.788.000)
	<b>1.208.824.016</b>	<b>(419.507.156)</b>	<b>633.232.156</b>	<b>(299.507.156)</b>
	<b>12.223.134.016</b>	<b>(419.507.156)</b>	<b>633.232.156</b>	<b>(299.507.156)</b>

(\*) Tạm ứng theo Hợp đồng thi công hạng mục "Cải tạo nâng cấp Khu vực cửa nhận nước, đường vận hành Nhà máy Nậm La"

## 7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

## 8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	6.956.751.001	-	834.270.000	-
+ Ông Phạm Quý Đô <sup>(1)</sup>	1.882.800.000	-	406.700.000	-
+ Ông Trần Trung Thiện <sup>(1)</sup>	4.643.874.000	-	43.000.000	-
+ Các đối tượng khác	430.077.001	-	384.570.000	-
- Phải thu tiền chi hộ	211.996.921	-	10.621.186.570	-
+ Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà <sup>(2)</sup>	211.996.921	-	10.621.186.570	-
- Phải thu lãi cho vay	97.345.205	-	-	-

**8 .PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Thù lao HĐQT, BKS	336.000.000	-	252.000.000	-
- Tạm ứng nhân viên đã nghỉ việc	159.997.951	(159.997.951)	159.997.951	(159.997.951)
- Phải thu ngắn hạn khác	26.043.668	-	35.651.930	-
	<b>7.788.134.746</b>	<b>(159.997.951)</b>	<b>11.903.106.451</b>	<b>(159.997.951)</b>

(1) Tạm ứng cho nhân viên công ty để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ thực hiện hợp đồng "Cải tạo nâng cấp Khu vực cửa nhận nước, đường vận hành Nhà máy Nậm La".

(2) Là khoản phải thu tiền điện Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La chi hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà khi sử dụng chung hệ thống điện tại Nhà máy Thủy điện Tát Ngoẵng. Trong năm 2022, toàn bộ số dư đầu năm khoản phải thu này đã chuyển sang khoản cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 02-2021/TĐNL-XLSĐ.

**9 .NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>				
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	274.513.191	-	274.513.191	-
<b>Trả trước cho người bán</b>				
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Trảng An	185.210.341	-	185.210.341	-
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109.508.815	-	109.508.815	-
- UBND xã Mường La	4.788.000	-	4.788.000	-
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	120.000.000	-	120.000.000	120.000.000
<b>Phải thu khác</b>				
- Phải thu khác	159.997.951	-	159.997.951	-
	<b>854.018.298</b>	<b>-</b>	<b>854.018.298</b>	<b>120.000.000</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	20.761.782	53.820.513
	<b>20.761.782</b>	<b>53.820.513</b>

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 03.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Bảo hiểm nhà máy	268.753.250	249.341.626
- Cước dịch vụ thuê kênh truyền dữ liệu	134.224.999	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.116.667	-
	<b>469.094.916</b>	<b>249.341.626</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Chi phí nạo vét lòng hồ	4.856.017.916	7.852.899.128
- Công cụ, dụng cụ	311.711.925	338.693.936
- Chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy	609.105.389	2.037.456.722
- Chi phí trả trước dài hạn khác	192.524.750	402.551.050
	<b>5.969.359.980</b>	<b>10.631.600.836</b>

**13 . VAY**

Xem chi tiết Phụ lục 04.

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	90.720.000	-
	<b>90.720.000</b>	<b>-</b>
<b>Bên khác</b>		
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Lâm	694.051.434	694.051.434
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển chiến lược Năng Lượng	485.179.367	485.179.367
- Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	409.313.383	409.313.383
- Công ty TNHH TM và CN Tàu thủy Hải Long	385.500.000	385.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	306.923.862	306.923.862
- Công ty Cổ phần Xây dựng - Tư vấn Thiết kế M&T	159.898.243	159.898.243
- Công ty Cổ phần tư vấn CODESU	298.657.049	298.657.049
- Phải trả các đối tượng khác	955.348.064	802.175.960
	<b>3.694.871.402</b>	<b>3.541.699.298</b>
	<b>3.785.591.402</b>	<b>3.541.699.298</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 05.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	7.103.333.719	7.268.847.241
- Chi phí lương, thưởng	658.553.228	646.676.361
	<b>7.761.886.947</b>	<b>7.915.523.602</b>
<b>Trong đó: Bên liên quan</b>		
- Ông Vũ Ngọc Tú	-	3.966.667
	-	<b>3.966.667</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	61.398.606	107.389.625
- Bảo hiểm y tế	-	527.309
- Phải trả cổ tức	81.931.806.000	81.946.531.000
+ Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	67.740.088.000	67.740.088.000
+ Cổ đông khác	14.191.718.000	14.206.443.000
	<b>81.993.204.606</b>	<b>82.054.447.934</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	67.740.088.000	67.740.088.000
	<b>67.740.088.000</b>	<b>67.740.088.000</b>

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	<b>Cộng VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>6.269.146.494</b>	<b>17.279.443.698</b>	<b>338.548.590.192</b>
Lỗi trong năm trước	-	-	(6.028.280.196)	(6.028.280.196)
Chia cổ tức	-	-	(15.750.000.000)	(15.750.000.000)
Giảm khác	-	-	(31.052.060)	(31.052.060)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>6.269.146.494</b>	<b>(4.529.888.558)</b>	<b>316.739.257.936</b>
Lãi trong năm nay	-	-	56.571.443.476	56.571.443.476
Thù lao HĐQT, BKS (*)	-	-	(252.000.000)	(252.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>6.269.146.494</b>	<b>51.789.554.918</b>	<b>373.058.701.412</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2022.



**18 .VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Thành	8.000.000.000	2,54	8.000.000.000	2,54
- Ông Lê Quốc Hương	36.089.000.000	11,46	36.089.000.000	11,46
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	260.708.800.000	82,76	260.708.800.000	82,76
- Các cổ đông khác	10.202.200.000	3,24	10.202.200.000	3,24
	<b>315.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>315.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	315.000.000.000	315.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	315.000.000.000	315.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	31.500.000	31.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.500.000	31.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.500.000	31.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.500.000	31.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Tài sản thuê ngoài**

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích m2	Đơn giá thuê VND/tháng	Thời gian thuê
Bản Hua Bó, Nang Phai, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Nậm La	221.469,30	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 10/10/2020 đến 14/12/2057
Bản Phiêng Hay, Bản Ái, Bản Lá Mường, bản Săng xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La		233.363,00		Từ 25/04/2015 đến 14/12/2057
Thuê đất tại bản Săng, bản Phiêng Hay, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La		30.347,50		Từ 27/02/2020 đến 14/12/2057

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

<u>Địa điểm</u>	<u>Mục đích thuê</u>	<u>Diện tích</u> m2	<u>Đơn giá thuê</u> VND/tháng	<u>Thời gian thuê</u>
Bản Tát Ngoẵng, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Xây dựng nhà máy và công trình phụ trợ Nhà máy Thủy điện Tát Ngoẵng	168548,10	Do Sở Tài chính Tỉnh xác định, đang trong thời gian miễn tiền thuê đất	Từ 06/12/2021 đến 20/07/2044

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Doanh thu bán điện	159.719.115.098	91.532.342.373
	<b><u>159.719.115.098</u></b>	<b><u>91.532.342.373</u></b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Giá vốn của bán điện	69.349.958.494	67.499.225.832
+ Chi phí nhân công	5.536.676.667	7.522.755.240
+ Chi phí khấu hao	51.101.510.293	51.215.976.410
+ Các chi phí khác	12.711.771.534	8.760.494.182
	<b><u>69.349.958.494</u></b>	<b><u>67.499.225.832</u></b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.930.413.635	772.365.071
	<b><u>1.930.413.635</u></b>	<b><u>772.365.071</u></b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Lãi tiền vay	29.837.293.973	25.756.091.446
Chi phí phát hành trái phiếu	782.246.972	325.936.237
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	314.775.721
	<b><u>30.619.540.945</u></b>	<b><u>26.396.803.404</u></b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.179.019.049	2.617.953.851
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	35.374.378	367.317.689
Thuế, phí, và lệ phí	104.352.763	157.075.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.494.273	41.753.105
Chi phí khác bằng tiền	1.364.658.956	1.641.033.613
	<b>2.837.899.419</b>	<b>4.825.133.685</b>
<b>25 . THU NHẬP KHÁC</b>		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	434.393.730
Thu nhập từ bán Chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế (I-RECs)	458.599.151	100.305.611
	<b>458.599.151</b>	<b>534.699.341</b>
<b>26 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	16.380.932	125.587.542
Các khoản bị phạt	35.690.864	8.209.245
Chi phí khác	14.410.359	12.727.273
	<b>66.482.155</b>	<b>146.524.060</b>
<b>27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	59.234.246.871	(6.028.280.196)
Các khoản điều chỉnh tăng	50.101.223	-
- Chi phí không hợp lệ	50.101.223	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.028.280.196)	-
- Chuyển lỗ 2021	(6.028.280.196)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	53.256.067.898	-
Thuế TNDN hiện hành theo thuế suất ưu đãi 10%	5.325.606.790	-
Số thuế TNDN được giảm theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP	(2.662.803.395)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.662.803.395</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(79.387.726)	206.583.074
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.058.794.859)	(285.970.800)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>524.620.810</b>	<b>(79.387.726)</b>
<b>28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ</b>		

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	538.178.029	505.955.874
Chi phí nhân công	6.715.695.716	10.140.709.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	51.101.510.293	51.215.976.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.020.442.994	545.812.013
Chi phí khác bằng tiền	12.812.030.881	9.915.906.129
	<b>72.187.857.913</b>	<b>72.324.359.517</b>


## 29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

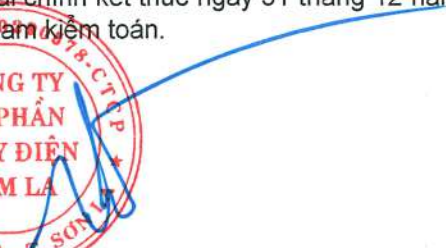
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

## 30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam Kiểm toán.

  
Nguyễn Thị Tâm Phượng  
Người lập biểu

  
Phạm Duy Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Quang Minh  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 23 tháng 03 năm 2023





**Công ty Cổ phần Thủy điện Năm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022		01/01/2022				
	Mã CK	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>210.866.304.454</b>	-		<b>210.866.304.454</b>	-	
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	SMA	210.866.304.454	-	52,06%	210.866.304.454	-	52,06%
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>732.000.000</b>	-		<b>732.000.000</b>	-	
- Công ty Cổ phần Viwaseen 6		732.000.000	-	4,88%	732.000.000	-	4,88%
		<b>211.598.304.454</b>	-		<b>211.598.304.454</b>	-	

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	52,06%	52,06%	Đầu tư xây dựng công trình thủy điện; Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, phụ tùng.
Đầu tư đơn vị khác	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Viwaseen 6	Hà Nội	4,88%	4,88%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>						
<b>Bên liên quan</b>						
- Ông Vũ Ngọc Tú	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	7.269.297.208	-	12.406.748.549	-	19.676.045.757	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	-	-	500.000.000	500.000.000	-	-
	<b>7.269.297.208</b>	-	<b>17.406.748.549</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>19.676.045.757</b>	-
<b>Dài hạn</b>						
<b>Bên liên quan</b>						
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	-	-	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
	-	-	<b>4.300.000.000</b>	-	<b>4.300.000.000</b>	-

**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:**

SSTT	Hợp đồng vay	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022	01/01/2022
						VND	VND
(1)	Hợp đồng số 01-2020/TĐNL-XLSD ngày 20/01/2020 và các phụ lục hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	9,6%/năm	12 tháng	Tin chấp	8.021.063.694	7.269.297.208
	Hợp đồng số 02-2021/TĐNL-XLSD ngày 31/12/2021 và các phụ lục hợp đồng		9,6%/năm	12 tháng	Tin chấp	11.654.982.063	-

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)****Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau (tiếp theo):**

STT	Hợp đồng vay	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022	01/01/2022
						VND	VND
(2)	Hợp đồng số 14/2022/HĐTD-VCP ngày 25/04/2022	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	9,0%/năm	12 tháng	Tin chấp	1.500.000.000	-
	Hợp đồng số 74/2022/HĐTD-VCP ngày 22/12/2022	vụ sản xuất kinh doanh	11,6%/năm	Từ ngày 22/12/2022 đến 23/12/2023	Tin chấp	1.000.000.000	-
(3)	Hợp đồng số 39/2022/HĐTD-NLA-XM	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	9,0%/năm	Từ ngày 29/12/2022 đến 30/12/2023	Tin chấp	1.800.000.000	-
						<b>23.976.045.757</b>	<b>7.269.297.208</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	465.062.079.319	316.193.572.160	124.238.269.489	36.485.284	905.530.406.252
Số tăng trong năm	-	-	979.688.906	-	979.688.906
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	979.688.906	-	979.688.906
Số giảm trong năm	(428.566.113)	-	(61.222.727)	-	(489.788.840)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(428.566.113)	-	(61.222.727)	-	(489.788.840)
Phân loại lại	(143.424.057.573)	134.184.812.234	9.239.245.339	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>321.209.455.633</b>	<b>450.378.384.394</b>	<b>134.395.981.007</b>	<b>36.485.284</b>	<b>906.020.306.318</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	177.015.942.927	144.828.064.558	61.767.482.116	36.485.284	383.647.974.885
Số tăng trong năm	17.206.369.414	24.927.129.874	8.968.011.005	-	51.101.510.293
- <i>Khấu hao trong năm</i>	17.206.369.414	24.927.129.874	8.968.011.005	-	51.101.510.293
Số giảm trong năm	(428.566.113)	-	(34.341.795)	-	(462.907.908)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(428.566.113)	-	(34.341.795)	-	(462.907.908)
Phân loại lại	(38.729.669.553)	64.158.257.434	(25.428.587.881)	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>155.064.076.675</b>	<b>233.913.451.866</b>	<b>45.272.563.445</b>	<b>36.485.284</b>	<b>434.286.577.270</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	288.046.136.392	171.365.507.602	62.470.787.373	-	521.882.431.367
Tại ngày cuối năm	<b>166.145.378.958</b>	<b>216.464.932.528</b>	<b>89.123.417.562</b>	-	<b>471.733.729.048</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 381.471.709.234 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.438.117.574 VND.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Phụ lục 04 : VAY

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	VND	trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	47.380.000.000	47.380.000.000	36.717.753.028	47.380.000.000	36.717.753.028	36.717.753.028
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành (1)	43.780.000.000	43.780.000.000	32.700.000.000	43.780.000.000	32.700.000.000	32.700.000.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sơn La (2)	3.600.000.000	3.600.000.000	4.800.000.000	3.600.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
Trái phiếu phát hành (d)	-	-	(782.246.972)	-	(782.246.972)	(782.246.972)
- Chi phí phát hành giảm trừ vào gốc trái phiếu	-	-	(782.246.972)	-	(782.246.972)	(782.246.972)
	<b>47.380.000.000</b>	<b>47.380.000.000</b>	<b>36.717.753.028</b>	<b>47.380.000.000</b>	<b>36.717.753.028</b>	<b>36.717.753.028</b>
<b>b. Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn	246.772.559.822	246.772.559.822	3.000.000.000	103.600.000.000	146.172.559.822	146.172.559.822
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành (1)	186.708.559.822	186.708.559.822	-	55.000.000.000	131.708.559.822	131.708.559.822
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (2)	18.064.000.000	18.064.000.000	-	3.600.000.000	14.464.000.000	14.464.000.000
- Ông Vũ Ngọc Tú	42.000.000.000	42.000.000.000	3.000.000.000	45.000.000.000	-	-
Trái phiếu phát hành (d)	136.079.195.328	136.079.195.328	-	(782.246.972)	136.861.442.300	136.861.442.300
- Gốc trái phiếu	138.100.000.000	138.100.000.000	-	-	138.100.000.000	138.100.000.000
- Chi phí phát hành giảm trừ vào gốc trái phiếu	(2.020.804.672)	(2.020.804.672)	-	(782.246.972)	(1.238.557.700)	(1.238.557.700)
	<b>382.851.755.150</b>	<b>382.851.755.150</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>102.817.753.028</b>	<b>283.034.002.122</b>	<b>283.034.002.122</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(47.380.000.000)	(47.380.000.000)	(36.717.753.028)	(47.380.000.000)	(36.717.753.028)	(36.717.753.028)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>335.471.755.150</b>	<b>335.471.755.150</b>			<b>246.316.249.094</b>	<b>246.316.249.094</b>



**Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Phụ lục 04 : VAY (Tiếp theo)****c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

SĐT	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
(1)	Hợp đồng tín dụng số 16/VJP-BB-TH/0107	120 tháng	31/12/2026	Thanh toán tái cấu trúc dư nợ các khoản vay theo các hợp đồng trung dài hạn số 1612-ĐĐ-CG/HĐTĐ-LienVietPostBank ngày 17/06/2012 và 1712-ĐĐ-CG/HĐTĐ-LienVietPostBank ngày 17/06/2012 ký giữa Bên vay và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Đông Đô; là các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán đối với Dự án	Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản thuộc Dự án thủy điện Nậm La, quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 43/EVNINPC- B9 ngày 30/07/2010 ký giữa Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và các biện pháp đảm bảo khác theo yêu cầu của bên cho vay
(2)	Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 01/2021/HĐKT/HĐTĐ-NHPT	180 tháng	21/06/2036	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản đảm bảo là toàn bộ Tài sản hình thành sau đầu tư dự án và các tài sản có thể hình thành trong tương lai.

**d. Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường:**

Trái phiếu : Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La  
 Loại trái phiếu: Trái phiếu phát hành theo mệnh giá.  
 Thời hạn trái phiếu là 03 năm; Lãi suất cố định 10,2%/năm cho 4 kỳ thanh toán đầu tiên; Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sau 04 kỳ đầu tiên là lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 4%/năm. Lãi được trả định kỳ 06 tháng/lần.  
 Tổng giá trị đã phát hành: Khối lượng đã phát hành là 1.381 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có đảm bảo bằng tài sản. Mệnh giá trái phiếu 100.000.000 VND/trái phiếu.  
 Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động, thanh toán cho các giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.  
 Hình thức bảo đảm: Toàn bộ nhà máy trạm phân phối Nhà máy Thủy điện Nậm La, toàn bộ công trình tuyến năng lượng đập đầu mối thuộc nhà máy thủy điện Nậm La, toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ hoạt động nhà máy Thủy điện Nậm La.  
 Số dư tại ngày 01/01/2022: 138.100.000.000 VND  
 Số dư tại ngày 31/12/2022: 138.100.000.000 VND  
 Tình hình sử dụng vốn: Đã sử dụng vốn đúng mục đích phát hành trái phiếu  
 Bên liên quan nắm giữ trái phiếu: Không có

Phụ lục 04 : VAY (Tiếp theo)

e. Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2022		01/01/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Ông Vũ Ngọc Tú	-	-	42.000.000.000	3.966.667
Chủ tịch HĐQT	-	-	42.000.000.000	3.966.667

**Phụ lục 05 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	-	7.832.998.266	6.797.827.117	-	1.035.171.149
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	79.387.726	-	2.662.803.395	2.058.794.859	-	524.620.810
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.964.498	-	783.897.602	793.572.214	11.639.110	-
- Thuế Tài nguyên (*)	-	328.755.867	12.962.246.052	12.671.196.342	-	619.805.577
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	400	508.837.608	6.648.950.556	6.065.837.244	400	1.091.950.920
	<b>81.352.624</b>	<b>837.593.475</b>	<b>30.893.895.871</b>	<b>28.390.227.776</b>	<b>11.639.510</b>	<b>3.271.548.456</b>

(\*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



Số: 02/2023/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

(V/v: Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023)

**Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;
- Căn cứ Tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần thủy điện Nậm La.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023, như sau:

**1. Quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2022:**

- Tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2022 kế hoạch: **336.000.000** đồng;
- Tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2022 đã chi: **336.000.000** đồng.

**Trong đó:**

- Số tiền thù lao cho HĐQT năm 2022 đã chi: **252.000.000** đồng;
- Số tiền thù lao cho BKS năm 2022 đã chi: **84.000.000** đồng.

**2. Kế hoạch trả tiền thù lao cho HĐQT và BKS năm 2023:**

Nguyên tắc trả tiền thù lao: Các thành viên HĐQT và BKS được hưởng theo chỉ tiêu Kế hoạch giá trị sản xuất kinh doanh của Công ty theo các năm, được trích từ lợi nhuận sau thuế và các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn của Công ty để chi trả.

Mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2023 như sau:

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao tháng (đồng)	Tổng số tiền thù lao/năm (đồng)
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>				<b>252.000.000</b>
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	12	4.000.000	192.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				<b>84.000.000</b>
1	Trưởng BKS	1	12	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên BKS	2	12	2.000.000	48.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>336.000.000</b>

*Bảng chữ: Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn.*

Tiền thù lao của HĐQT và BKS được trả hàng quý và được quyết toán vào cuối năm tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Vũ Ngọc Tú**



**TỜ TRÌNH**

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022)

**Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;
- Căn cứ Tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần thủy điện Nậm La.

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối từ năm trước	(4.781.888.558)
2	Lợi nhuận năm 2022 sau thuế thu nhập	56.571.443.476
3	Trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022	336.000.000
<b>4</b>	<b>Phân phối lợi nhuận năm 2022 (1+2-3)</b>	<b>51.453.554.918</b>
a	Chi trả cổ tức ( 10%*VĐL)	31.500.000.000
b	Trích quỹ dự phòng tài chính (LNPP*10%)	5.145.355.492
c	Trích quỹ đầu tư phát triển (LNPP-a-b)*80%	11.846.559.541
d	Trích quỹ khen thưởng (LNPP-a-b-c)	2.961.639.885

Thời gian chi trả cổ tức: ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định thời gian chi trả cho phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua!

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH****Vũ Ngọc Tú**



**TỜ TRÌNH**

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023)

**Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội; và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;
- Căn cứ Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

Ban kiểm soát Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tiêu chí các công ty kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La như sau:

1. Công ty kiểm toán có trong danh sách được Bộ Tài chính và UBCK Nhà nước xét đủ điều kiện kiểm toán đối với công ty có lợi ích công chúng.
2. Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty đàm phán và lựa chọn một trong các công ty kiểm toán đạt tiêu chí trên để thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua!

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT
- Lưu VP, BKS.

**Đinh Thị Hạnh**



Số: 04/2023/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

(V/v: Tách Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẳng thành Công ty con)

### **Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Nậm La;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

Cùng với sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực đầu tư và vận hành các Nhà máy thủy điện, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La đang từng bước khẳng định là một trong những doanh nghiệp mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và ổn định qua từng năm về quy mô: Năm 2020 Công ty đã đầu tư mua Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẳng - Công suất 7 MW tại xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Năm 2021 Công ty đã trở thành Công ty mẹ (sở hữu 52,06% cổ phần) của Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn - đơn vị sở hữu Nhà máy Thủy điện Đăk Glun - Công suất 18 MW tại xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Việc thành lập thêm Công ty con sẽ tạo cho Công ty Nậm La cơ hội đầu tư, linh hoạt và mang tính chuyên môn hoá cao, phát huy tiềm năng hiện có, đem lại nhiều lợi nhuận, đưa Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La ngày càng lớn mạnh và phát triển bền vững.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt phương án tách Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẳng thành Công ty có pháp nhân độc lập (Công ty con).

Để chủ động trong việc tiến hành các thủ tục theo luật định, đề nghị Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xúc tiến các thủ tục và quyết định các vấn đề có liên quan để thành lập Công ty con vào thời gian thích hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Ngọc Tú**

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La )

### **Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La như sau:

- Điều lệ cũ gồm: 21 Chương, 59 Điều, 48 Trang

Thành : - Điều lệ mới gồm: 21 Chương, 59 Điều, 38 Trang

(Toàn văn Điều lệ cũ và Điều lệ mới được đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

#### **Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Vũ Ngọc Tú**





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM LA  
Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La  
*Web: [vcpholdings.com.vn/namla/](http://vcpholdings.com.vn/namla/)*

**ĐIỀU LỆ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM LA**

**(Sửa đổi, bổ sung lần 4)  
DỰ THẢO**

*Sơn La, ngày tháng 5 năm 2023*

## MỤC LỤC

I.	ĐNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	5
	Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	5
II.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	6
	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....	6
	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	6
III.	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	6
	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	7
	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	8
IV.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	8
	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	8
	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	9
	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	9
	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	9
	Điều 10. Thu hồi cổ phần .....	10
V.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	10
	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	10
VI.	CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG .....	10
	Điều 12. Quyền của cổ đông .....	10
	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....	12
	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	13
	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	14
	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	15
	Điều 17. Thay đổi các quyền .....	16
	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	16
	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	20
	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	20
	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	22
	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	22
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	23
	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	23
	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	23
	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	24
	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	25
	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	26
	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	26
	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	28
	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....	28
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....	28
	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	28
	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp .....	29



	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc/ Giám đốc.....	29
IX.	BAN KIỂM SOÁT.....	30
	Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....	30
	Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	30
	Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	30
	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	31
	Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	31
	Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....	32
X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
	Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	33
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....	33
	Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	33
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
	Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	34
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
	Điều 46. Phân phối lợi nhuận .....	34
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....	35
	Điều 47. Tài khoản ngân hàng .....	35
	Điều 48. Năm tài chính .....	35
	Điều 49. Chế độ kế toán .....	35
XV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....	35
	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	35
	Điều 51. Báo cáo thường niên .....	36
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY .....	36
	Điều 52. Kiểm toán .....	36
XVII.	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....	36
	Điều 53. Dấu của doanh nghiệp .....	36
XVIII.	GIẢI THẾ CÔNG TY .....	36
	Điều 54. Giải thế Công ty .....	36
	Điều 55. Gia hạn hoạt động .....	37
	Điều 56. Thanh lý .....	37
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	37
	Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	37
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	38
	Điều 58. Điều lệ công ty.....	38
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC.....	38
	Điều 59. Ngày hiệu lực .....	38

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NAM LA**

*Điều lệ này được thông qua theo Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày tháng năm 2023*

## **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) "Luật doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - d) "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - e) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - f) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - g) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
  - h) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - i) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
  - j) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
  - k) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
  - l) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - m) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
  - n) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA**
  - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY NAM LA**
  - Tên Công ty viết tắt: **NAMLA... JSC**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
  - Địa chỉ trụ sở chính: **Số 144 đường Trường Chinh, Tổ 4 phường Quyết Thắng - TP Sơn La- Tỉnh Sơn La- Việt Nam.**
  - Điện thoại: **02126510589**
  - Website: **wsb:vcpholdings.com.vn/namla**
4. Văn phòng đại diện của Công ty là:
  - Tên Văn phòng đại diện: **Văn phòng đại diện tại Hà Nội Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.**
  - Địa chỉ Văn phòng đại diện: **Tầng 19 - Tòa Vinaconex tại 34 Láng Hạ - Đống Đa- Hà Nội.**
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

Stt	Tên ngành
1.	Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
2.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
3.	Khai thác quặng sắt
4.	Khai thác quặng không chứa sắt (Trừ quặng kim loại quý hiếm)
5.	Khai thác quặng kim loại không chứa sắt chưa phân vào đâu
6.	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét
7.	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
9.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
10.	Sản xuất các cấu kiện kim loại
11.	Sản xuất máy luyện kim
12.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
13.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
14.	Sửa chữa máy móc thiết bị
15.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
16.	Thoát nước và xử lý nước thải
17.	Xây nhà các loại
18.	Xây dựng công trình đường bộ
19.	Xây dựng công trình công ích
20.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Công trình thủy lợi)
21.	Lắp đặt hệ thống điện
22.	Xây dựng đường dây và trạm biến áp 35KV
23.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
24.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
25.	Đại lý, môi giới, đấu giá (Trừ môi giới chứng khoán)
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
28.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
29.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
30.	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
31.	Cho thuê xe có động cơ
32.	Cho thuê máy móc thiết bị và đồng dùng hữu hình khác

Stt	Tên ngành
33.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (Trừ hoạt động thể thao)
34.	Dầu tư tái chính
35.	Thoát nước và xử lý nước thải
36.	Khai thác xử lý và cung cấp nước
37.	Sản xuất và kinh doanh điện năng
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
39.	Xây dựng công trình thủy điện
40.	Đào tạo vận hành và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện
41.	Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị

- Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty đã thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký tới cơ quan đăng ký kinh doanh và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- Mục tiêu hoạt động của Công ty:
- Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

- Vốn điều lệ của Công ty là 315.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười lăm tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 31.500.000 cổ phần (Bằng chữ: Ba mươi một triệu năm trăm nghìn cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.



3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát/Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;
4. Tổng giám đốc/Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
  - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
  - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình: đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
  - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
- 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp: yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
  - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;



Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

\* Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3.

), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

## **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

## **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
  - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;



d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật

Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức Công ty;
- f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng-khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của



Hội đồng quản trị. Trường hợp Công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định theo pháp luật hiện hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thu tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
  - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.  
Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

## **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp:

- a) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- b) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó



Tổng giám đốc), Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc (Tổng giám đốc) được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc/ Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc).
2. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);
  - g) Tuyển dụng lao động;
  - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát: việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.



2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc/ Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc/ Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

##### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

#### **Điều 54. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 56. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;
  - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c) Nợ thuế;
  - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
  - a) Cổ đông với Công ty;
  - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác.
2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La nhất trí thông qua ngày tháng năm tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành ba (03) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**VŨ NGỌC TÚ**



PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÂM LA

ST T	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân, MSDN đối với doanh nghiệp, số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	Tổng công ty đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam	52 Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cổ phần phổ thông					
2	Công ty tài chính đầu khí - Chi nhánh Nam Định	26 Lê Hồng Phong, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	Cổ phần phổ thông					
3	Công ty Cổ phần thiết bị và xây dựng Tràng An	Số 5b, Tuệ Tĩnh, Quận Hai Bà Trung, thành phố Hà Nội	Cổ phần phổ thông					
4	Các cổ đông là pháp nhân và thể nhân khác							



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

Số 144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

[web:vcpholdings.com.vn/namla](http://web:vcpholdings.com.vn/namla)

Số: 06/2023/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2023

### TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Miễn nhiệm TV HĐQT và bầu bổ sung TV HĐQT)

**Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm ngày 31/3/2023 của TV HĐQT: Nguyễn Thị Hà Ninh

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

Miễn nhiệm thành viên HĐQT do thành viên HĐQT **Nguyễn Thị Hà Ninh** xin từ nhiệm;

Bầu bổ sung thành viên HĐQT (Thông tin ứng viên HĐQT kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Ngọc Tú**

## GIẤY ĐỀ CỬ

Ứng viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La  
(Bầu bổ sung thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026)

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023  
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

Tên cổ đông: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP**

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số: 2800799804

Cấp ngày: 16 tháng 05 năm 2022 tại: Phòng ĐKKD của Sở Kế hoạch đầu tư TP Hà Nội, thay  
đổi lần thứ 15

Địa chỉ liên lạc: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ/đại diện: 26.070.880 cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

### Đồng ý đề cử

Ông: **PHẠM QUANG MINH**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 030080002925

Cấp ngày: 07 tháng 5 năm 2021 tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P704, Tòa nhà Vinaconex 7, Số 61 Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn,  
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Làm ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La thời gian còn lại của  
nhiệm kỳ 2021-2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ  
phần Thủy điện Nậm La ngày 30/5/2023

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của  
việc đề cử này.

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2023

Cổ đông đề cử  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)



CHỦ TỊCH HĐQT

*Vũ Ngọc Quý*

### Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của ứng viên HĐQT.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng.





**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

*(Đứng cho người tự ứng cử/được đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty CP Thủy điện Nậm La, nhiệm kỳ 2021-2026)*



**PHẠM QUANG MINH**

Nam

3. Số CMTND/Hộ chiếu: 030080002925 ngày cấp 07/5/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
4. Ngày tháng năm sinh: 02/01/1980
5. Nơi sinh: Hải Dương
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nguyên quán: Thôn Báo Đáp, xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
9. Hộ khẩu thường trú: P704, Tòa nhà Vinaconex 7, Số 61 Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
10. Nơi ở hiện nay: P704, tòa nhà Vinaconex 7, Số 61 Nguyễn Văn Giáp, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
11. Số điện thoại liên lạc: 0904 693396
12. Trình độ văn hóa: 12/12
13. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
14. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng anh
15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian công tác, đơn vị công tác, chức vụ nghề nghiệp):

Từ 2002-2004	Làm việc tại Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 7 (Coma7); Chức vụ nhân viên.
Từ 2004-2014	Làm việc tại Công ty CP Thủy điện Cửa Đạt (Nay là CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP); Chức vụ: Nhân viên, PTP Kinh tế - Đầu tư.
Từ 2014-nay	Làm việc tại Công ty CP Thủy điện Xuân Minh; Chức vụ: TP Kinh tế - Đầu tư, PGĐ Công ty, GD Công ty (nay là TGD Công ty).
Từ 2020-nay	Làm việc tại Công ty CP Thủy điện Bái Thượng; Chức vụ: GD Công ty.
Từ 2021-nay	Làm việc tại Công ty CP Thủy điện Nậm La; Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty.

16. Chức vụ hiện nay: Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Nậm La.
17. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác (nếu có): Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Xuân Minh; Giám đốc Công ty CP Thủy điện Bái Thượng
18. Số cổ phần đang sở hữu hoặc ủy quyền đại diện tại Công ty CP Thủy điện Nậm La: 0 cổ phần, trong đó:
  - Số cổ phần được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần
  - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty CP Thủy điện Nậm La: Không có

Tôi cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy điện Nậm La và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền**  
(Xác nhận chính quyền địa phương hoặc  
cơ quan có nhân đang làm việc)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trình Nguyễn Khánh*

Hà Nội, ngày...15...tháng 5 năm 2023

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Minh



## **QUY CHẾ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA**

### **Căn cứ:**

- ❖ Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành;
- ❖ Căn cứ Điều lệ Công ty CP Thủy điện Nậm La.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 theo các nội dung:

### **ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/5/2023).

### **ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 24 Điều lệ Công ty)**

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên HĐQT Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 Công ty khác;
- d. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

### **ĐIỀU 3: Đề cử, ứng cử ứng viên HĐQT và số thành viên được bầu (khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020)**

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- c. Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung: Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021, số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 là: 05 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT Công ty hiện còn: 04 thành viên. Như vậy, số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 là: 01 thành viên

### **ĐIỀU 4: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

#### **4.1 Danh sách ứng viên HĐQT**

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ tên trên phiếu bầu.



#### 4.2 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

Cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền được phát phiếu bầu HĐQT theo mã số tham dự (sở hữu và được uỷ quyền);

Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban bầu cử đổi phiếu bầu khác;

Cổ đông tiến hành bầu tối đa cho số lượng thành viên HĐQT được ĐHCĐ thông qua tại Đại hội.

#### **ĐIỀU 5: Phương thức bầu cử ( Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020)**

5.1 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

5.2 Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được uỷ quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

5.3 Cổ đông chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên HĐQT:

- Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: Cổ đông chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống của từng ứng viên mà mình bầu. Số phiếu bầu của từng ứng viên được chọn là kết quả chia đều của tổng số quyền bầu của cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.

- Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu bầu cho số ứng viên mà mình lựa chọn: Cổ đông ghi trực tiếp số quyền bầu vào ô trống của số ứng viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu cho từng ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng viên. Tổng số quyền biểu quyết cổ đông bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số quyền bầu của cổ đông/ đại diện cổ đông đó.

#### Ghi chú:

- Cổ đông chỉ lựa chọn một trong hai phương pháp để thực hiện bầu thành viên HĐQT. Nếu cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện đồng thời cả hai phương pháp nêu trên thì phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông là không hợp lệ.
- Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (có giấy uỷ quyền), người được uỷ quyền (đại diện cổ đông) có đầy đủ quyền biểu quyết.

#### **ĐIỀU 6: Các trường hợp bầu không hợp lệ**

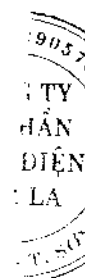
- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được uỷ quyền;
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông;
- Phiếu bầu quá số lượng thành viên HĐQT đã được Đại hội thông qua;
- Cổ đông sử dụng cả hai phương pháp bầu (ghi phiếu trên phiếu bầu);

#### **ĐIỀU 7: Ban bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

7.1 Ban bầu cử

a. Ban Bầu cử do Đoàn Chủ tịch đề cử và được ĐHCĐ thông qua;

b. Ban Bầu cử có trách nhiệm:



- Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
- Phát phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

c. Thành viên Ban Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

## 7.2 Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a. Ban Bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu sau khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu;
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Bầu cử công bố trước Đại hội.

## **ĐIỀU 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT (Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)**

8.1 Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số quyền biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ phê duyệt.

8.2 Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

## **ĐIỀU 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu**

9.1 Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống, số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT.

9.2 Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

**ĐIỀU 10:** Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

Quy chế này gồm có 10 điều, được đọc công khai và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.



**Vũ Ngọc Tú**



Số: 07/2023/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty)

### Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Nậm La (*Dự thảo Quy chế kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Ngọc Tú**



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

144 Trường Chinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

[Wsb:vcpholdings.com.vn/namla/](http://Wsb:vcpholdings.com.vn/namla/)

### QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng 5 năm 2023;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La bao gồm các nội dung sau:

#### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

#### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

#### Chương II

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
  - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;



b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

đ) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 5 (năm) đến 7 (bảy) người.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
- Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
  - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
  - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
  - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
  - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
  - đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu,

ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
  - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
  4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
  - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
  - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu



rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

**Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Chương IV**

**CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.  
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian, địa điểm họp;
  - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
  3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
  4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
  5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 18. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
  - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính;
  - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
  - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

### **Chương VI**

#### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

##### **Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

**Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Labao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 5 năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Ngọc Tú**



## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát)

### Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La (*Dự thảo Quy chế kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu VP, BKS.



**Đinh Thị Hạnh**



## QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM LA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La số .../202.. /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 5 năm 2023;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La, bao gồm các nội dung sau:

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La, bao gồm các nội dung sau:

- Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát;
- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- Hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Quan hệ giữa Ban Kiểm soát với cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban trong Công ty;
- Khen thưởng, kỷ luật và lợi ích của Ban Kiểm soát

##### 2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng thống nhất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La và các công ty con

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM LA: Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La

HDQT: Hội đồng quản trị của CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM LA  
BKS: Ban Kiểm soát của CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM LA  
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông của CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM LA  
KSNB: Kiểm soát nội bộ

## **CHƯƠNG II CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định tại quy chế này.
2. Ban Kiểm soát có số thành viên tối thiểu 03 người trong đó 01 người là Trưởng Ban. Trưởng Ban kiểm soát do BKS bầu trong số các Kiểm soát viên theo nguyên tắc đa số. Ít nhất một nửa số Kiểm soát viên phải thường trú tại Việt Nam.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận Kiểm toán nội bộ, bộ phận tư vấn, tham mưu giúp việc trực thuộc Ban Kiểm soát.
4. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên (BKS) không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 4: Tiêu chuẩn và điều kiện bầu, bổ nhiệm Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề gần nhất;
- Có bằng đại học trở lên, được đào tạo tại một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HDQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Thành viên BKS chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại công ty.

### **Điều 5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

- BKS do ĐHĐCĐ bầu, các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG III**

### **QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 6. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát**

BKS có các nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Điều lệ Công ty, chủ yếu là các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

##### **6.1 Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

- BKS thực hiện giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh: tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống KSNB, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- Xem xét sổ sách kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán;
- Xem xét Thư quản lý của kiểm toán độc lập và ý kiến phân hồi của Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Xem xét báo cáo kiểm toán của kiểm toán nội bộ, đơn vị tư vấn về hệ thống KSNB, quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp;
- Đề xuất với ĐHĐCĐ Công ty khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích, hoặc kỷ luật đối với những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm kỷ luật làm thiệt hại đến quyền lợi hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty;

##### **6.2. Quyền của Ban Kiểm soát**

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty;
- BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao; Công ty có trách nhiệm ký Hợp đồng và thanh

toán chi phí với tư vấn độc lập do BKS chỉ định để phục vụ công việc theo nhiệm vụ của BKS

- Được cung cấp tài liệu, thông tin cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
- Được HĐQT và Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát;
- Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được quyền yêu cầu lãnh đạo các phòng ban chức năng, các đơn vị thành viên của Công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát.
- Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc;
- Tham khảo ý kiến các thành viên HĐQT về hoạt động của BKS cũng như nội dung báo cáo của BKS trước khi trình ĐHĐCĐ;
- Trường hợp phát hiện ra các vi phạm về tài chính của các chức danh do ĐHĐCĐ hay HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, BKS có quyền kiến nghị với người có thẩm quyền xử lý ra quyết định kỷ luật, bãi miễn, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cá nhân vi phạm;
- Đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ trong một số trường hợp theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

#### **Điều 7. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Trường BKS, ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty do mình thực hiện. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý với những sai phạm sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm;
5. Yêu cầu Trường BKS triệu tập họp BKS bất thường khi xét thấy cần thiết;
6. Kiểm soát viên tham dự đầy đủ các cuộc họp của BKS, tham gia ý kiến đầy đủ, cụ thể về nội dung họp thảo luận. Trong trường hợp Kiểm soát viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung cần thảo luận thông qua;
7. Kiểm soát viên được Trường BKS phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ, sau khi kết thúc quá trình làm việc có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trường BKS;
8. Tham dự các phiên họp mở rộng của HĐQT và các cuộc họp khác, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;



9. Kiểm soát viên báo cáo định kỳ và khi có yêu cầu về các nội dung công việc được phân công, tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

#### **Điều 8: Trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát để trình ĐHĐCĐ thông qua;
2. Lập chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ và phân công tổ chức thực hiện;
3. Triệu tập, chuẩn bị chương trình nội dung các cuộc họp của BKS;
4. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
5. Thay mặt BKS ký các văn bản, báo cáo thuộc thẩm quyền của BKS trên cơ sở nội dung đã được các thành viên BKS thông qua;
6. Trường hợp Trưởng BKS đi vắng thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong BKS để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Trưởng BKS.
7. Giám sát các thành viên BKS trong thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn chung;
8. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo BKS.

### **CHƯƠNG IV HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 9. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Mục tiêu của BKS thực hiện giám sát một cách hệ thống và có nguyên tắc đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của tổ chức.
2. BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, để thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế Ban Kiểm soát
3. BKS sẽ thực hiện các hoạt động của mình tuân theo các giá trị và quy tắc đạo đức của tổ chức, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật
4. Đảm bảo tính độc lập, khách quan, bảo mật thông tin và thận trọng nghề nghiệp
5. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu xét thấy cần thiết phải tiến hành kiểm tra trực tiếp tại Công ty thì các Kiểm soát viên đề xuất với Trưởng BKS những vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trưởng BKS chủ trì việc kiểm tra và thông báo bằng văn bản tới HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và đơn vị được kiểm tra. Nếu những vụ việc kiểm tra mang tính phức tạp và diện rộng, Trưởng BKS đề xuất với HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty huy động thêm một số cán bộ có năng lực, phẩm chất của các phòng, ban Công ty cùng tham gia, hoặc sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ.

#### **Điều 10. Cuộc họp của Ban Kiểm soát**

1. BKS họp ít nhất 6 tháng một lần, đối với những vấn đề không yêu cầu tổ chức họp để thảo luận thì Trưởng BKS có thể lấy ý kiến các Kiểm soát viên bằng văn bản hoặc thông qua phương tiện thông tin điện tử, thời hạn tối đa để các Kiểm soát viên cho ý kiến là 05 ngày làm việc.

2. Cuộc họp BKS được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số Kiểm soát viên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong thời gian hợp lý theo quyết định của Trưởng BKS. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có hơn ½ số Kiểm soát viên dự họp.
3. Biểu quyết thông qua cuộc họp:
  - Mỗi kiểm soát viên tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một kiểm soát viên (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.
  - Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra, sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
  - Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua nếu được trên 50% số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc kiểm soát viên được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).
  - Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.
  - Biên bản cuộc họp: Biên bản cuộc họp BKS phải có những nội dung cơ bản sau:
    - + Ngày, tháng, năm họp, giờ bắt đầu, giờ kết thúc;
    - + Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;
    - + Thành phần tham dự họp/ những người vắng mặt;
    - + Những nội dung được đưa ra trao đổi;
    - + Kết luận từng vấn đề.

Biên bản họp của BKS phải được thông qua ngay sau cuộc họp và có chữ ký của các thành viên dự họp. Biên bản họp BKS phải được tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng BKS hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp:

Trưởng BKS quản lý Biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên BKS, HĐQT, Tổng Giám đốc, DHDCD.

## **CHƯƠNG V**

### **QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT, CỔ ĐÔNG, HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÒNG, BAN TRONG CÔNG TY**

**Điều 11. Quan hệ với cổ đông, HĐQT, Ban điều hành và các phòng, ban trong Công ty**

1. Đối với cổ đông:

BKS và các Kiểm soát viên phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, chịu trách nhiệm trước Cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty. BKS có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại mỗi cuộc họp thường niên, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đối với HĐQT:

- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong quá trình hoạt động. Theo dõi việc chỉ đạo của HĐQT trong việc chấn chỉnh và xử lý sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra. Tham mưu cho HĐQT Công ty về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập hoặc đề xuất việc thuê chuyên gia. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết quả và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- Được mời tham dự các phiên họp của HĐQT, được chất vấn các thành viên HĐQT, được tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết, nếu có ý khác với Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thì có quyền trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ trong phiên họp gần nhất.

3. Đối với Tổng Giám đốc, bộ phận, phòng ban chức năng

- Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình; Có trách nhiệm thực hiện theo kiến nghị của BKS hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với kiến nghị của BKS. Kịp thời thông báo cho BKS những yếu kém, rủi ro, thất thoát, gian lận lớn về tài sản hoặc khi có thay đổi trong hệ thống KSNB tại đơn vị
- Ban Kiểm soát được sử dụng bộ phận kiểm toán nội bộ để thực thi nhiệm vụ
- Tổng Giám đốc, Trưởng các bộ phận có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu, phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

4. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, BKS phải thông báo trước kế hoạch làm việc nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Kiểm soát viên không can thiệp vào những công việc ngoài phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình.

## **CHƯƠNG VI**

### **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ LỢI ÍCH CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Khen thưởng, kỷ luật, thù lao và lợi ích khác của Ban kiểm soát**

1. BKS, kiểm soát viên được xét khen thưởng theo quy định chung và quy định của Công ty.
2. Kiểm soát viên không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu trung thực, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do mình gây ra. Tùy vào mức độ vi phạm, kiểm soát viên có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. ĐHĐCĐ quyết định mức lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS. Mọi chi phí hoạt động của BKS được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty theo quy

định. Tổng số lương, thù lao và các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng Kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

4. Kiểm soát viên có thể được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 13. Bổ sung sửa đổi và hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày
2. Những nội dung khác về tổ chức, hoạt động, chế độ làm việc của BKS, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, thì được thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật. Điều lệ Công ty và các văn bản khác của Công ty.
3. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
4. Trong trường hợp có sự thay đổi các quy định của Điều lệ Công ty liên quan đến BKS thì Quy chế này phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ Công ty.
5. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản về BKS để BKS xem xét sửa đổi. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do BKS soạn thảo và trình ĐHĐCĐ quyết định.

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
Trưởng Ban**

**Đinh Thị Hạnh**

Số: 08/2023/TTr-HĐQT

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

**Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty CP Thủy điện Nậm La (*Dự thảo Quy chế kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Ngọc Tú**





Sơn La, ngày tháng 5 năm 2023

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN NẬM LA**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La ban hành năm 2016;
- Căn cứ quy chế nội bộ ban hành ngày 10/07/2018
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ....ngày ...tháng 5 năm 2023;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La bao gồm các nội dung sau:

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

2.1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

h) **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.

2.2. “Ngày thành lập” là ngày Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (10/08/2007).

e) **“Người quản lý doanh nghiệp”**: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

d) **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

e) **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”**: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

f) **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”** là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 154 Luật doanh nghiệp;

g) **“Người phụ trách quản trị Công ty”** là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

h) **“Cán bộ quản lý”** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

i) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j) **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

k) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

l) **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La.

m) **“ĐHĐCĐ”** là viết tắt của “Đại hội đồng cổ đông”;

n) **“HĐQT”** là viết tắt của “Hội đồng quản trị”;

o) **“BKS”** là viết tắt của “Ban Kiểm soát”.

2.2 Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

2.3 Các tiêu đề (*chương, điều của Quy chế này*) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này;

- 2.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

## **II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ**

### **Điều 3. Vai trò và Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:**

- 3.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 3.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận: quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

### **Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:**

- 4.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 4.2 Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể là Ban kiểm soát, hoặc cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp**

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông. Thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của Công ty tại địa chỉ [wsb:vcpholdings.com.vn/namla](http://wsb:vcpholdings.com.vn/namla) tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

#### **Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

### **Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

- 8.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, thực hiện các công việc sau:
- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty.
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
- 8.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

### **Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

### **Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

- 10.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 10.2 Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.



- 10.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

10.4 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

#### **Điều 11. Điều kiện tiến hành**

- 11.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 11.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 11.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

#### **Điều 12. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHDCĐ:**

- 12.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo

ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- 12.2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

### **Điều 13. Cách thức kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

13.1 Trừ trường hợp quy định tại mục 13.2 và mục 13.3 dưới đây, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc.

13.2 Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

13.3 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

13.4 Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

### **Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

### **Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

15.1 Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay

dòi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- 15.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại mục 16.1 với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### **Điều 16. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

- 16.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- a) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - c) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - h) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 16.2 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- 16.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- 16.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 16.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi được công bố trang thông tin điện tử của Công ty.
- 16.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 17. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

#### **Điều 18. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

- 18.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- 18.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.
- 18.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Công ty;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

18.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

18.5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

18.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

18.7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

18.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ



tại trụ sở chính của Công ty.

- 18.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ những nội dung quy định tại Điều 13.3 của Quy chế này được trình ĐHĐCĐ thông qua bằng văn bản phải được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết chấp thuận.

## **Điều 19. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến**

19.1. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội):** là cuộc họp đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
- **Tài khoản truy cập:** là tên đăng nhập và mật khẩu được gửi trong thư mời họp cho cổ đông để truy cập tham gia đại hội trực tuyến bỏ phiếu điện tử.
- **Bỏ phiếu điện tử:** là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua internet bằng hệ thống được xây dựng bởi Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La hoặc cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) hoặc đơn vị khác cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử.

19.2. Thông báo triệu tập họp Đại hội trực tuyến: thực hiện như họp ĐHĐCĐ trực tiếp.

19.3. Đăng ký họp Đại hội trực tuyến:

- Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập được cấp và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn của Công ty tại thông báo mời họp.
- Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

19.4. Ủy quyền họp Đại hội trực tuyến: thực hiện như họp ĐHĐCĐ trực tiếp.

19.5. Điều kiện tiến hành: Đại hội trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

19.6. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội trực tuyến: bằng hình thức bỏ phiếu điện tử theo phương thức đồng ý hoặc không đồng ý.

19.7. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

- Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập được cấp và mã OTP để đăng nhập vào hệ thống mà Công ty sử dụng để bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn tại thông báo mời họp.
- Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

19.8. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến và thông báo kết quả kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

19.9. Lập Biên bản họp Đại hội trực tuyến:

- Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

19.10. Công bố Nghị quyết Đại hội trực tuyến: Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán như đối với Nghị quyết họp ĐHĐCĐ trực tiếp.

**Điều 20. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

*Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết sẽ được Hội đồng quản trị đề xuất trình phê duyệt trong trường hợp sử dụng hình thức này.*

### **III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 21. Vai trò, quyền, và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

- 21.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- 21.2. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

21.3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## **Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

- 22.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người.
- 22.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

## **Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

- 23.1. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Trường hợp Công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định theo pháp luật hiện hành.
- 23.2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp năm 2020;
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- d) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

#### **Điều 24. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

- 24.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
- 24.2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 25. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

#### **Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT**

- 26.1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b) Có đơn từ chức gửi Công ty;
  - c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



- f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
  - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 26.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
  - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 27. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

**Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

**Điều 29. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT**

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 30. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

- 30.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị.
- 30.2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Điều 31. Họp HĐQT**

- 31.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 31.2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
- 31.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- 31.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

- 31.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- 31.6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

- 31.7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- a) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định;
- b) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 31.8. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

- 31.9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

- 31.10. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau, trong trường hợp có sự khác biệt thì ưu tiên sử dụng bản Tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

- 31.11. Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 32. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị sẽ xem xét việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp thấy cần thiết.

### **Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị

quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

#### **IV. BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 33. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 33.1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 33.2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 33.3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 33.4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- 33.5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 33.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 33.7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 33.8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 33.9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 33.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty này.



### **Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát**

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### **Điều 35. Đề cử, ứng cử thành viên Kiểm soát viên**

35.1 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

35.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 36. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu đơn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

### **Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

37.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ

trường hợp bất khả kháng;

- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

37.2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

#### **Điều 38. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

#### **Điều 39. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

### **V. TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 40. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và

Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- g) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

**Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.**

- 41.1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 41.2. Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.
- 42.3. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo

quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

#### **Điều 42. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc**

Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 43: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành**

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 44: Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát**

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 45. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc điều hành**

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc điều hành) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc điều hành cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 46. Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

##### **46.1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị**

- a) Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
  - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả;

- b) Tổng Giám đốc điều hành có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc điều hành theo quy định không được thực thi;
  - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

46.2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- a) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e) Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f) Xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h) Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

**Điều 47. Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.**

- 47.1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 47.2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- 47.3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
- 47.4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
- 47.5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
- 47.6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

**Điều 48. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành**

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc điều hành.

**Điều 49. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

- 49.1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:
  - a) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc điều hành gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
  - b) Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình đề Hội đồng quản trị thông qua;
  - c) Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
  - d) Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
  - e) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.



- 49.2. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:
- a) Tổng Giám đốc điều hành có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
  - b) Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
  - c) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 50. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

- 50.1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
- a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
  - c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
  - d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- c) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
  - l) Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
- 50.2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.
- a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
  - b) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc điều hành để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc điều hành trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc điều hành trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
  - c) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - d) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
  - e) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
  - l) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc điều hành trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- 50.3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc điều hành và Hội đồng quản trị: Tổng

Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

- a) Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu
- b) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc điều hành gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
- c) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- d) Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- e) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Quy chế này phải được gửi cho Hội đồng quản trị trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi Hội đồng quản trị.

## **VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

### **Điều 51. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác**

- 51.1 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.
- 51.2 Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

- 51.3 Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.
- 51.4 Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
- 51.5 Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

## **Điều 52. Khen thưởng**

- 52.1 Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 51 của Quy chế này.
- 52.2 Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.
- 52.3 Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 52.4 Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 52.5 Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **Điều 53. Kỷ luật**

- 53.1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
- 53.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu về sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
- 53.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc

người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH**

### **Điều 54. Ngày hiệu lực**

- 54.1. Quy chế này gồm 8 chương, 54 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày tháng 5 năm 2023 thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành ngày 10/7/2018.
- 54.2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 54.3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất  $\frac{1}{2}$  Tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Ngọc Tú**

Số: 09/2023/TT-HĐQT

Sơn La, ngày 30 Tháng 5 năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận/quyết định về giao dịch Huy động vốn của Công ty năm 2023

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La;
- Căn cứ vào tình hình và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La.

Nhằm tái cấu trúc và sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được phép triển khai, phê duyệt việc huy động vốn dưới hình thức vay vốn và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật hiện hành (Sau đây gọi là "Các giao dịch huy động vốn"). Mục đích huy động vốn: tái cấu trúc toàn bộ các khoản vay nợ và bổ sung vốn lưu động của Công ty để tăng cường hiệu quả hoạt động;
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết bao gồm và không giới hạn việc phê duyệt các giao dịch huy động vốn, thế chấp tài sản liên quan đến việc huy động vốn, lựa chọn bên cho vay hoặc nhà đầu tư, quyết định giá trị huy động, mức lãi suất, thời hạn và phân bổ nguồn vốn huy động đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả nhất đối với các giao dịch huy động vốn có giá trị trên 35% tổng tài sản của Công ty nêu tại Báo cáo tài chính gần nhất (bao gồm Các giao dịch huy động vốn với Người có liên quan của Công ty).

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề nêu trên có hiệu lực thi hành trong năm 2023 và 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.



**VŨ NGỌC TÚ**